



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011

NGỌN LỬA CỦA NIỀM TIN



Tầm nhìn

PVI nỗ lực phấn đấu trở thành Tập đoàn Bảo hiểm - Tài chính có thương hiệu quốc tế với phương châm: Phát triển nhanh, bền vững dựa trên nền tảng tri thức, sức mạnh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, kết hợp hài hòa lợi ích của các cổ đông, khách hàng và người lao động.



Mục lục

2		Thư của Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc
3		Thư của Chủ tịch HĐQT PVN
4		Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
6		Thông điệp của Tổng Giám đốc
10		Lịch sử hình thành và phát triển
12		Lĩnh vực hoạt động
13		Mô hình hoạt động
14		Hội đồng Quản trị
15		Ban Kiểm soát
16		Ban Tổng Giám đốc
17		Sơ đồ tổ chức
18		Hệ thống Quản trị & Nguồn nhân lực
20		Thông tin Cổ đông & Quan hệ Nhà Đầu tư
22		Các công ty liên kết & Công ty con
28		Quản trị doanh nghiệp
30		Quản lý rủi ro
32		Hoạt động xã hội
36		Sự kiện - Giải thưởng - Danh hiệu
38		Chỉ số tài chính kinh doanh nổi bật 2011
40		Định hướng phát triển cho tương lai
44		Báo cáo tài chính của Công ty mẹ
74		Báo cáo tài chính hợp nhất

**THƯ CHÚC MỪNG
CỦA ÔNG
NGUYỄN XUÂN PHÚC**
ỦY VIÊN BỘ CHÍNH TRỊ
PHÓ THỦ TƯỚNG
CHÍNH PHỦ



NGUYỄN XUÂN PHÚC
PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2011

Kính gửi: Công ty cổ phần PVI

Năm 2011 với nhiều thành tích to lớn đã đánh dấu một mốc quan trọng trong lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần PVI. PVI đã thực hiện thành công Tái cấu trúc doanh nghiệp, chuyển đổi sang mô hình công ty mẹ - công ty con, hoạt động trong lĩnh vực Tài chính - Bảo hiểm. Bên cạnh đó, PVI cũng đã thực hiện tăng vốn điều lệ thành công và lựa chọn được đối tác chiến lược Tập đoàn Talanx của Đức, một tập đoàn Bảo hiểm - Đầu tư tầm cỡ quốc tế. Mặc dù, 2011 tiếp tục là một năm khó khăn của thị trường bảo hiểm, PVI vẫn đạt mức doanh thu 5.200 tỷ đồng, bằng 115% tổng doanh thu năm 2010. Không chỉ giữ vững vị trí hàng đầu tại thị trường trong nước, PVI tiếp tục khẳng định thương hiệu trên thị trường quốc tế khi năm thứ 2 liên tiếp đạt xếp hạng năng lực tài chính ở mức B+ của Tổ chức đánh giá tín nhiệm tài chính A.M. Best và danh hiệu "Doanh nghiệp bảo hiểm tiêu biểu của Việt Nam năm 2011" của Tạp chí World Finance.

Thành công của PVI có thể coi là một điển hình cho các doanh nghiệp Việt Nam trong việc dám nghĩ, dám làm, chấp nhận thách thức để đổi mới và phát triển.

Thay mặt Chính phủ, tôi biểu dương và chúc mừng những thành công to lớn của PVI trong năm vừa qua. Với những thành tích xuất sắc này, PVI xứng đáng với Danh hiệu Đơn vị Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới mà Đảng và Nhà nước vừa trao tặng trong năm qua.

Phát huy những thành tích đã đạt được trong năm qua, tôi tin tưởng chắc chắn rằng PVI sẽ tiếp tục phát triển ngày càng lớn mạnh, tiếp tục gặt hái thêm nhiều thành tích to lớn hơn nữa trong năm 2012.

Nhân dịp năm mới Nhâm Thìn sắp đến, thay mặt Chính phủ, tôi gửi tới toàn thể cán bộ, công nhân viên của PVI những lời chúc tốt đẹp nhất - chúc một năm mới An Khang, Thịnh Vượng và Thành Công.

Thân ái./.

Nguyễn Xuân Phúc



**THƯ CHÚC MỪNG
CỦA ÔNG
PHÙNG ĐÌNH THỰC**
BÍ THƯ ĐẢNG ỦY,
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
THÀNH VIÊN TẬP ĐOÀN
DẦU KHÍ QUỐC GIA
VIỆT NAM



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM

Số. 18 đường Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại: (84-4) 8252526 * Fax: (84-4) 8265942
Website: www.petrovietnam.com.vn

THƯ CHÚC MỪNG

Kính gửi: Tập thể Lãnh đạo, Cán bộ, Đảng viên và Nhân viên
Công ty Cổ phần PVI (PVI)

Lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam rất vui mừng nhận được tin vui, đến hết ngày 30/11/2011, Công ty Cổ phần PVI đã hoàn thành vượt mức kế hoạch cả năm 2011 các chỉ tiêu: Doanh thu, Nộp ngân sách Nhà nước, Lợi nhuận trước thuế. Hơn nữa, trong năm 2011 là một năm đầy khó khăn đối với hoạt động bảo hiểm - tài chính - ngân hàng, nhưng PVI vẫn duy trì được xếp hạng tín nhiệm tài chính của tổ chức A.M Best và đã thành công trong việc tăng vốn điều lệ. Đây là món quà đặc biệt của tập thể Lãnh đạo, Cán bộ, Đảng viên và Nhân viên Công ty Cổ phần PVI Chào mừng kỷ niệm 50 năm ngành Dầu khí thực hiện mong ước của Bác Hồ.

Thay mặt Lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, tôi nhiệt liệt chúc mừng, ghi nhận và biểu dương những thành tích hết sức tự hào mà tập thể Lãnh đạo, Cán bộ, Đảng viên và Nhân viên Công ty Cổ phần PVI đã đạt được. Trong năm qua, cùng với sự chuyển mình sâu sắc của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần PVI đã có bước phát triển mạnh mẽ, Tập thể Lãnh đạo và CBNV của đơn vị đã đoàn kết nhất trí, chung sức, chung lòng vì sự phát triển của đơn vị nói riêng và của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nói chung; Đội ngũ CBNV của đơn vị ngày càng trưởng thành, lớn mạnh, đầy nhiệt huyết và luôn có quyết tâm cao trong việc thực hiện tốt các nhiệm vụ Tập đoàn giao.

Những kết quả mà Công ty Cổ phần PVI đạt được trong thời gian qua là nhờ có sự chủ động, sáng tạo trong điều hành sản xuất - kinh doanh, sự đoàn kết nhất trí và sự nỗ lực, cố gắng không mệt mỏi của tập thể Lãnh đạo và Cán bộ, Đảng viên, Nhân viên PVI. Tôi tin tưởng rằng, từ những kết quả đã đạt được, cùng với bản lĩnh, kinh nghiệm, PVI tiếp tục phát triển mạnh mẽ và bền vững cả về chiều rộng và chiều sâu, gắn liền với thương hiệu "PetroViệt Nam" ngày càng được khẳng định và có uy tín trên thị trường trong nước và Quốc tế. Lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cùng Người Đại diện phần vốn của Tập đoàn tại PVI sẽ nỗ lực hơn nữa để phấn đấu phát triển mạnh mẽ hơn nữa và trở thành nhà bảo hiểm hàng đầu, có thương hiệu mạnh cả ở trong nước và trên thị trường quốc tế, đồng thời không ngừng chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho người lao động và quyền lợi chính đáng của các cổ đông, xây dựng văn hoá và thương hiệu của Tập đoàn và của đơn vị nhằm mở rộng hoạt động, phù hợp với sự phát triển của Tập đoàn trong thời kỳ mới.

Về phần mình, Tập đoàn tiếp tục hỗ trợ tối đa để xây dựng PVI phát triển nhanh, mạnh và vững chắc về mọi mặt, tiếp tục vững bước trên con đường phát triển, thực hiện tốt các nhiệm vụ được Tập đoàn giao.

Nhân dịp này, thay mặt Lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, tôi chúc Tập thể Lãnh đạo, Cán bộ, Đảng viên và nhân viên Công ty Cổ phần PVI gặt hái được nhiều thành công với hiệu quả kinh tế - xã hội cao hơn nữa trong những năm tiếp theo./.

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2011
TM. ĐẢNG ỦY & HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
BÍ THƯ - CHỦ TỊCH



Phùng Đình Thực

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

Thưa các Quý vị,

Năm 2011 đánh dấu một mốc son quan trọng trên con đường phát triển của PVI 15 năm xây dựng và phát triển, 15 năm thử thách và thành công. Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam ngày đó (năm 1996) - vốn điều lệ 22 tỷ đồng, nhân sự 20 người, doanh thu 50 tỷ đồng và Công ty Cổ phần PVI hôm nay - vốn chủ sở hữu 5.461 tỷ đồng, tổng tài sản 8.194,87 tỷ đồng, nhân sự hơn 1.500 người, doanh thu 5.655 tỷ đồng. Một sự phát triển vượt bậc, một sự thay đổi về chất - từ một Công ty Bảo hiểm chuyên ngành PVI đã trở thành một Định chế Tài chính Bảo hiểm quốc tế.

Năm 2011 sẽ được nhớ đến như là một năm đầy sóng gió với nền kinh tế thế giới. Khủng hoảng tài chính công nghiêm trọng ở Châu Âu và bối cảnh kinh tế ảm đạm trên phạm vi toàn cầu đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam. Trong khi tăng trưởng GDP chỉ đạt 5,89% thì chỉ số giá tiêu dùng CPI lên mức 18,58%⁽¹⁾; chỉ số chứng khoán HNX - một trong những hàn thử biểu của nền kinh tế Việt Nam giảm đến 48,6%⁽²⁾, một trong những mức giảm mạnh nhất thế giới trong năm 2011.

Trong bối cảnh đó, việc thực hiện tái cấu trúc thành công của PVI thực sự là một điểm sáng khác biệt. Với mối hợp tác chiến lược với Talanx Group - Tập đoàn Bảo hiểm lớn thứ 3 ở Châu Âu, PVI đã chính thức tham gia vào chuỗi cung cấp dịch vụ toàn cầu. Đặc biệt, Talanx Group đã mua 25% cổ phần PVI với mức giá 36.000 đ/cổ phiếu, cao hơn giá giao dịch trên sàn chứng khoán tại thời điểm ký kết hợp đồng. Điều này một mặt giúp nâng cao năng lực tài chính cho doanh nghiệp, mặt khác cũng thể hiện sự đánh giá rất cao của các nhà đầu tư quốc tế chuyên nghiệp đối với giá trị nội tại cũng như khả năng tăng trưởng của PVI.

Cùng với việc tăng vốn và lựa chọn thành công cổ đông chiến lược, PVI đã tiến hành tái cấu trúc toàn diện với việc tạo ra một cấu trúc mới gồm Công ty mẹ Công ty Cổ phần PVI và 02 công ty con là Tổng Công ty Bảo hiểm PVI và Công ty Tái Bảo hiểm PVI. Trong khi công ty mẹ giữ vai trò định hướng, quản lý vốn và đầu tư tài chính, thì các công ty con tập trung vào kinh doanh bảo hiểm, tạo dòng vốn cho hoạt động đầu tư.

Để đảm bảo sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp, PVI kiên trì xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp theo các chuẩn mực quốc tế; trong đó đẩy mạnh minh bạch hóa thông tin, nâng cao năng lực quản trị rủi ro,

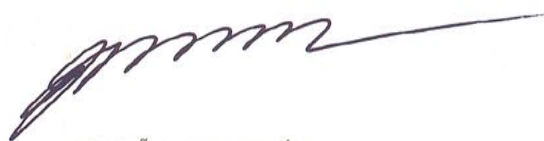
đầu tư chiều sâu vào con người và công nghệ là các vấn đề then chốt. Liên tiếp hai năm vừa qua, PVI được tổ chức Đánh giá Tín nhiệm Tài chính A.M. Best xếp hạng năng lực tài chính B+ (Tốt), được tạp chí tài chính World Finance trao tặng danh hiệu "Doanh nghiệp Bảo hiểm tiêu biểu của Việt Nam". Cũng để chuẩn bị cho việc hội nhập quốc tế một cách hiệu quả, PVI đã xây dựng Báo cáo tài chính năm theo Chuẩn mức Kế toán Quốc tế IFRS, chuẩn bị cơ sở cho việc niêm yết cổ phiếu ở thị trường chứng khoán quốc tế trong tương lai.

Với những thành tích xuất sắc trong 15 năm qua, bên cạnh các giải thưởng lớn như Sao Vàng Đất Việt, Thương hiệu mạnh Việt Nam,... năm 2011 PVI đã hết sức vinh dự được Nhà nước trao tặng danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới.

Kết quả đạt được đã là quá khứ, trước mắt PVI là những thách thức to lớn trong năm bản lề sau quá trình tái cấu trúc. Tiếp tục hoàn thiện mô hình tái cấu trúc, thành lập Công ty Bảo hiểm Nhân thọ, cổ phần hóa các công ty con là những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2012 để trở thành một Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm chuyên nghiệp có đủ năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế. Bên cạnh đó, PVI tiếp tục tập trung nâng cấp hệ thống quản trị doanh nghiệp, đặc biệt chú trọng đến việc củng cố hệ thống quản trị rủi ro và bộ máy nhân sự nhằm duy trì chất lượng và tốc độ tăng trưởng, nâng cao hiệu quả đầu tư, đảm bảo chi trả cổ tức tối thiểu 15% cho cổ đông.

Giống như một quốc gia thu nhỏ, doanh nghiệp phải luôn làm chủ vận mệnh của mình. Tiếp nối những thành công, tôi tin tưởng chắc chắn rằng với truyền thống văn hóa của PVI, tư duy khác biệt của Lãnh đạo, sự đam mê và chuyên nghiệp của cán bộ nhân viên cùng sự ủng hộ nhiệt thành của các đối tác, PVI sẽ tiếp tục phát triển nhanh, mạnh, bền vững hơn nữa, mang lại lợi ích ngày càng lớn cho Cổ đông và Khách hàng.

Trân trọng!



NGUYỄN ANH TUẤN
Chủ tịch HĐQT PVI

⁽¹⁾ Theo Tổng cục Thống kê

⁽²⁾ Theo Business Insider

"Quốc tế hóa PVI bằng đội ngũ nhân sự và hệ thống quản trị chuyên nghiệp..."





"Năm 2011, tổng doanh thu của PVI đạt **5.655 tỷ đồng**, hoàn thành vượt mức kế hoạch 16%, tăng trưởng hơn 25% so với năm 2010..."

Thông điệp của Tổng Giám đốc

Thưa các Quý vị,

Sau 15 năm hình thành và phát triển, đến năm 2011, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI) đã trở thành doanh nghiệp bảo hiểm hàng đầu của Việt Nam. Đó là niềm vinh dự lớn nhưng cũng đặt ra cho Ban Lãnh đạo và tập thể CBNV PVI thách thức mới: làm thế nào để nâng cao chất lượng phát triển của PVI trong giai đoạn mới. Trong kế hoạch 2011 - 2015 và tầm nhìn 2025, năm 2011 được xác định là năm bản lề để nâng tầm vị thế thương hiệu PVI. Và Ban Lãnh đạo cùng tập thể CBNV PVI bằng nỗ lực vượt bậc đã tiếp tục tạo nên những dấu ấn.

Đầu tiên không thể không nhắc tới sự kiện rất quan trọng là công tác tái cấu trúc PVI. Tính đến nay, PVI là Công ty niêm yết đầu tiên của Việt Nam hoàn thành việc tái cấu trúc và chuyển đổi thành công mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Thay vì là một doanh nghiệp bảo hiểm đơn thuần, hoạt động theo Luật Kinh doanh Bảo hiểm và có nhiều hạn chế trong quá trình mở rộng phạm vi hoạt động và đầu tư, nay với mô hình mới, kinh doanh và đầu tư trong lĩnh vực tài chính theo Luật Doanh nghiệp, PVI đã hoạt động hiệu quả hơn rất nhiều. Trong đó, Công ty mẹ - Công ty Cổ phần PVI chuyên về hoạt động đầu tư tài chính, các công ty con gồm: Tổng Công ty Bảo hiểm PVI chuyên về hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ, Công ty Tái Bảo hiểm PVI chuyên về các hoạt động tái bảo hiểm.

Một sự kiện khác nữa phải kể đến trong năm 2011 đó là việc PVI đã thành công trong đàm phán với Cổ đông nước ngoài Talanx để tăng vốn điều lệ từ 1.597 tỷ đồng lên 2.129 tỷ đồng. Giờ đây, PVI đã là một doanh nghiệp quốc tế hóa với sự tham gia của Cổ đông chiến lược nước ngoài là các tổ chức tài chính quốc tế hàng đầu: Quỹ đầu tư Oman, Tập đoàn Talanx cùng các Cổ đông nước ngoài khác.

Tái cấu trúc và tăng vốn thành công đã giúp cho PVI có một vị thế tốt. Điều này được minh chứng rõ ràng khi PVI là doanh nghiệp duy nhất ở Việt Nam hai năm liên tiếp được A.M. Best xếp hạng năng lực tài chính ở mức B+(Tốt) và Tạp chí World Finance bình chọn là Doanh nghiệp Bảo hiểm tiêu biểu của Việt Nam. Và PVI cũng là Định chế Tài chính - Bảo hiểm duy nhất của Việt Nam năm 2011 được Chủ tịch nước phong tặng Danh hiệu Anh hùng Lao động.

Năm 2011, PVI đã từng bước chuyển mình, vươn lên tầm cao mới. Điều này thể hiện rõ rệt nhất ở những chỉ tiêu tài chính hết sức khả quan. Năm 2011, tổng doanh thu của PVI đạt 5.655 tỷ đồng, hoàn thành vượt mức kế hoạch 16%, tăng trưởng hơn 25% so với năm 2010.

Trên cơ sở phân tích, dự báo tình hình kinh tế và đánh giá thực trạng năm 2012, PVI một mặt đảm bảo duy trì mức tăng trưởng về các chỉ tiêu kinh doanh đồng thời vẫn phải tiếp tục đầu tư xây dựng nền tảng vững chắc cho quá trình phát triển trong các năm tiếp theo.

Trong thời gian trước mắt, PVI sẽ tiếp tục tái cấu trúc theo mô hình đang triển khai. Năm 2011, bước đầu tiên của công tác tái cấu trúc đã được thực hiện xong. Năm 2012 và các năm tiếp theo, PVI còn phải hoàn thiện các công ty con để đảm bảo hoạt động hiệu quả. Từng đơn vị thành viên phải xây dựng chiến lược hoạt động phù hợp với chiến lược chung của PVI. Vì mục tiêu của PVI không chỉ là doanh số, mà phải là lợi nhuận, là niềm tin của Cổ đông - các Nhà Đầu tư đã đầu tư vào PVI.

Trong năm 2012, dù dự báo thị trường vẫn tiếp tục khó khăn, nhưng PVI vẫn đặt mục tiêu doanh thu trên 6.453 tỷ đồng, tất cả các chỉ tiêu tăng trưởng so với năm trước 25-30%. Đồng thời, tiến hành quá trình Cổ phần hóa các công ty thành viên. Trong năm 2012, dự kiến sẽ cổ phần hóa Công ty Tái Bảo hiểm và 2013 là cổ phần hóa Tổng Công ty Bảo hiểm PVI. Và mục tiêu của PVI đến năm 2015 phải đạt doanh số là 1 tỷ USD.

Thành công của năm 2011 là niềm tự hào của Ban Lãnh đạo và tập thể CBNV PVI, nhưng cũng là áp lực đòi hỏi PVI phải cố gắng hơn nữa để vượt qua chính mình. Tôi tin rằng với sự ủng hộ và tin tưởng của Cổ đông, Đối tác, Khách hàng, sự đoàn kết, nhất trí của Ban Lãnh đạo và tập thể CBNV PVI cùng những giải pháp đã được đề ra, năm 2012 sẽ tiếp tục là một năm thành công của PVI. Và PVI sẽ mãi là "Ngọn lửa của niềm tin", xứng đáng với niềm tin yêu của Khách hàng và các Cổ đông.

Trân trọng!



BÙI VĂN THUẬN
Tổng Giám đốc PVI



LỄ ĐÓN NHẬN DANH HIỆU ANH HŨ
RA MẮT PVI HOLDINGS VÀ ĐÓN



Lãnh đạo Đảng và Nhà nước dự lễ đón nhận Danh hiệu AHLĐ của PVI

Nền tảng vững chắc, Kết nối vươn xa



Lịch sử

Hình thành và Phát triển

“ 16 năm có thể là một chặng đường không dài với sự phát triển và lớn mạnh của một công ty. Nhưng với Công ty Cổ phần PVI (PVI), 16 năm qua là cuộc hành trình đầy trải nghiệm: từ vị trí của một công ty bảo hiểm nội ngành còn non trẻ về kinh nghiệm tới vị thế hàng đầu trên thị trường bảo hiểm trong nước, sẵn sàng và tự tin để **hòa mình cùng dòng vận động của thị trường thế giới**. Đó là 16 năm một cuộc hành trình đi từ vất vả gian khó để **vươn ra biển lớn**. Nhưng cũng là 16 năm đáng tự hào khi thương hiệu PVI luôn đồng hành cùng với các khách hàng, đối tác. ”

Năm 1996

Ngày 23/01/1996, **Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam được thành lập**, với vai trò là công ty bảo hiểm nội bộ ngành Dầu khí, quản lý mọi rủi ro và tài sản của ngành ở trong nước và quốc tế.

Năm 2006

Năm 2006, theo xu hướng của nền kinh tế thị trường, **PVI tiến hành cổ phần hóa** với một loạt những thay đổi về cơ cấu quản trị và chiến lược kinh doanh và được đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam. Và có thể nói, con đường thành công của PVI đã thực sự rộng mở từ đây.

Ngày 30/12/2006 – **PVI lần đầu chào bán cổ phần ra công chúng**, lập kỷ lục phiên chào bán có số lượng đăng ký nhiều nhất.

NĂM THỨ 16 CỦA PVI
LÀ MỘT NĂM KHÔNG
THỂ NÀO QUÊN VỚI
NHỮNG THÀNH CÔNG
RỰC RỠ VỀ MỌI MẶT



Năm 2010

Năm 2010, **PVI trở thành doanh nghiệp bảo hiểm đầu tiên** và đến nay vẫn là duy nhất của Việt Nam **nhận được đánh giá xếp hạng năng lực tài chính B+ (Tốt)** của tổ chức xếp hạng danh tiếng **A.M. BEST**.

Với việc trở thành **đối tác chiến lược** của **Quỹ đầu tư Oman (OIF)** trong năm 2010 và hàng loạt các dự án tham vọng, PVI khẳng định vị thế số 01 của mình trên thị trường bảo hiểm Việt Nam, hoàn toàn thuyết phục Tạp chí World Finance (Anh) trao giải thưởng “Nhà Bảo hiểm tiêu biểu của năm 2010” cho mình.

Năm 2011

Cùng với những nền tảng kế thừa, **PVI tái cấu trúc** hoạt động theo mô hình công ty mẹ (Công ty Cổ phần PVI) - công ty con với 02 công ty con trực thuộc hoạt động trên cả lĩnh vực bảo hiểm (Tổng Công ty Bảo hiểm PVI) và tái bảo hiểm (Công ty Tái Bảo hiểm PVI). Với thế “chân kiềng” vững chắc, lại nhận thêm sự hỗ trợ từ **đối tác chiến lược mới - Tập đoàn Talanx của Đức**, PVI ngày càng củng cố được vị thế của mình tại Việt Nam và đang dần khẳng định thương hiệu trên thị trường quốc tế.

Lĩnh vực

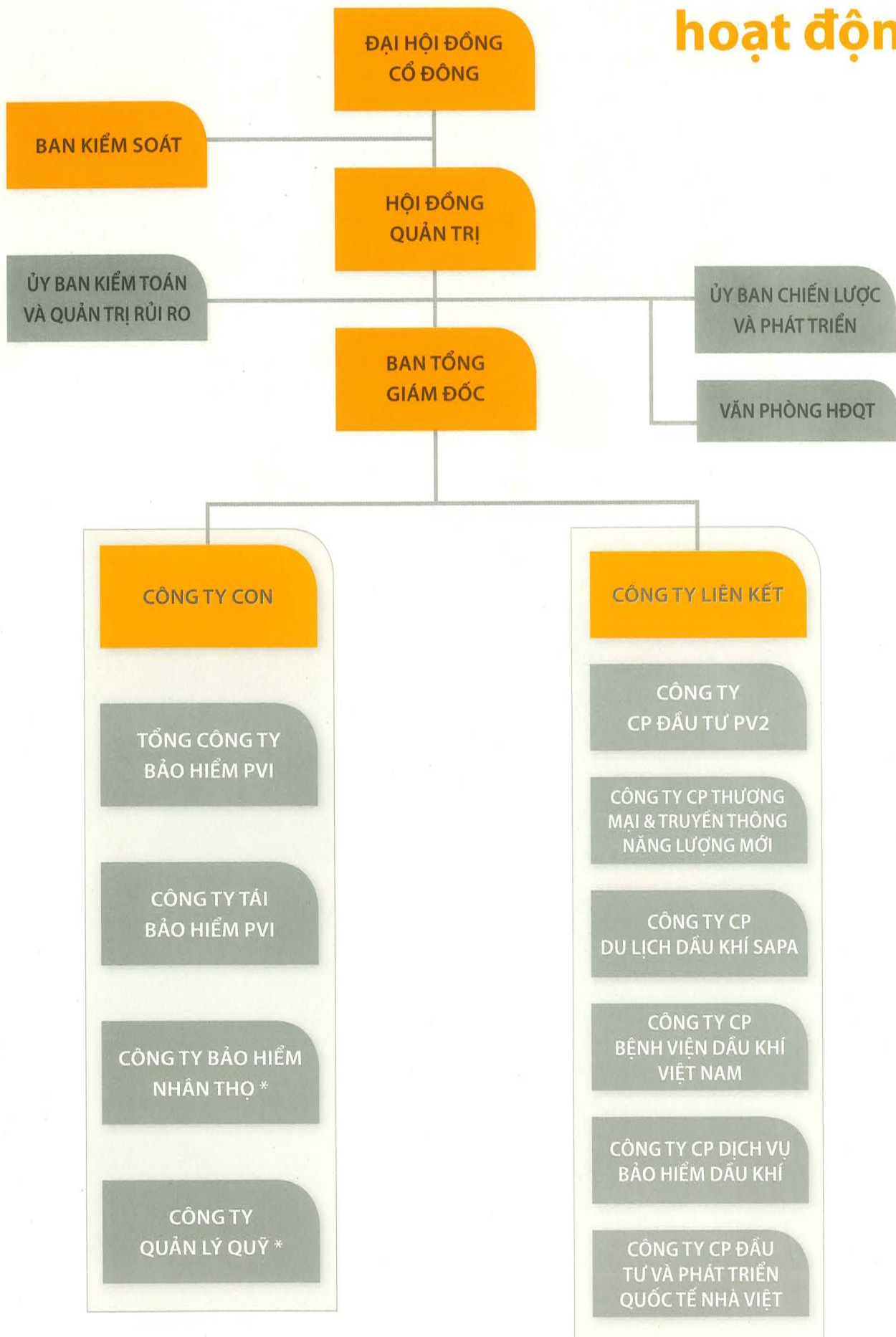
Hoạt động

- A** | KINH DOANH BẢO HIỂM,
TÁI BẢO HIỂM
- B** | QUẢN LÝ VỐN - ĐẦU TƯ
- C** | QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN TÀI SẢN

PHÁT TRIỂN NHANH,
BỀN VỮNG DỰA TRÊN NỀN
TẢNG TRI THỨC, SỨC MẠNH
CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ
QUỐC GIA VIỆT NAM



Mô hình hoạt động



* Dự kiến thành lập 2012

Hội đồng Quản trị



ÔNG NGUYỄN ANH TUẤN
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



ÔNG BUI VĂN THUẬN
Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc



ÔNG TÔN THIÊN VIỆT
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị



ÔNG NGUYỄN KHUYẾN NGUỒN
Thành viên Hội đồng Quản trị



**ÔNG DƯƠNG THANH DANH
FRANÇOIS**
Thành viên Hội đồng Quản trị



**ÔNG BADRI NARAYANAN
SANTHANA KRISNAN**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ban Kiểm Soát



BÀ HÀ LAN
Trưởng Ban Kiểm soát



ÔNG JENS HOLGER WOHLTHAT
Thành viên Ban Kiểm soát



ÔNG GERARD AMAL WAHAB
Thành viên Ban Kiểm soát



BÀ PHAN THỊ THU HUYỀN
Thành viên Ban Kiểm soát

Ban Tổng Giám đốc



ÔNG BÙI VĂN THUẬN

Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc



ÔNG PHẠM KHẮC DŨNG

Phó Tổng Giám đốc thường trực



ÔNG TRƯƠNG QUỐC LÂM

Phó Tổng Giám đốc



ÔNG NGUYỄN NGỌC MINH

Phó Tổng Giám đốc



ÔNG VŨ VĂN THẮNG

Phó Tổng Giám đốc



ÔNG PHẠM ANH ĐỨC

Phó Tổng Giám đốc



ÔNG NGUYỄN HOÀNG TUẤN

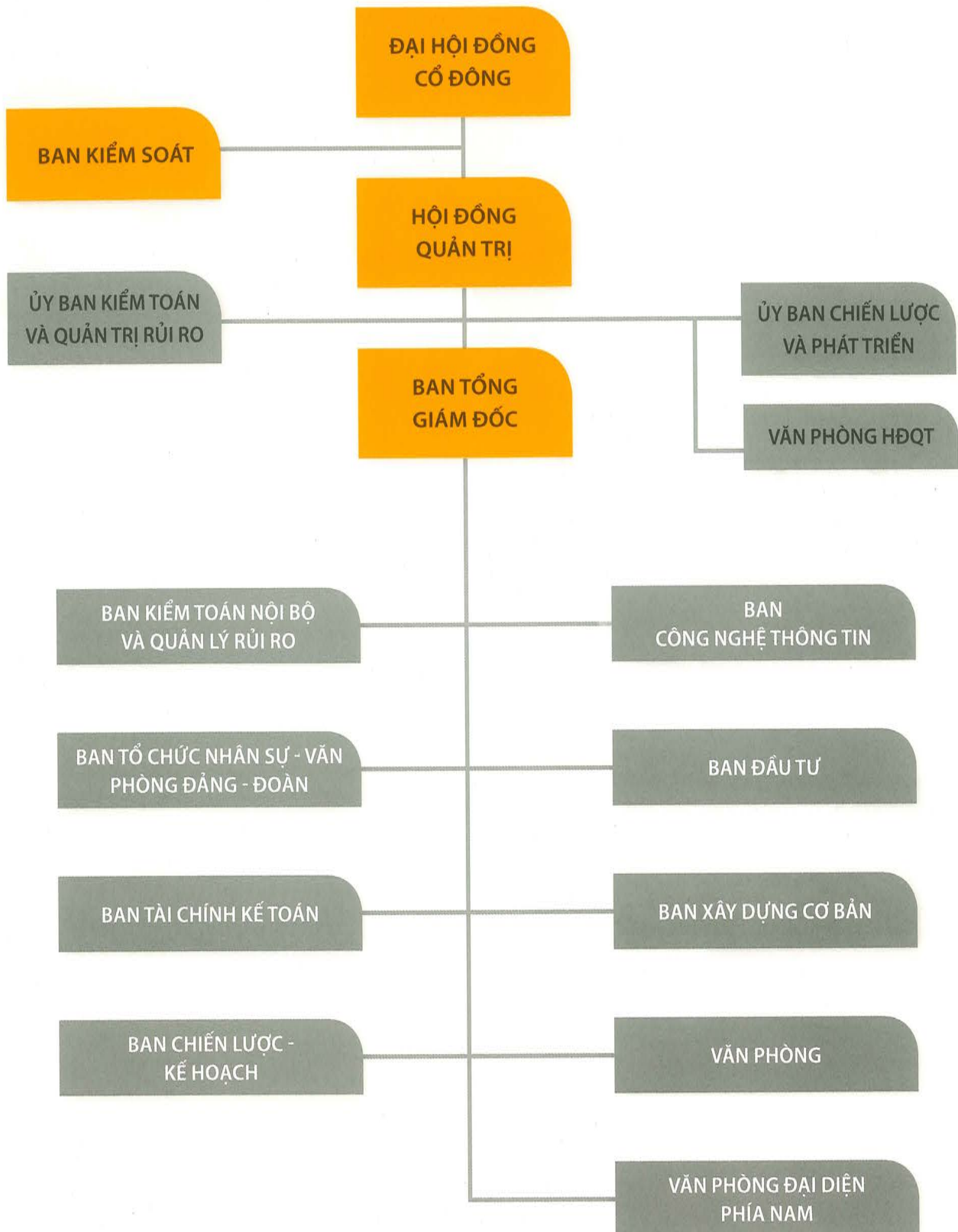
Phó Tổng Giám đốc



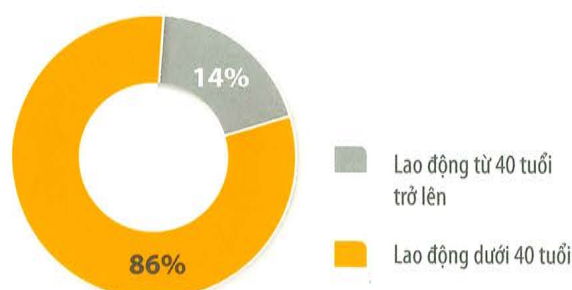
ÔNG PHÙNG TUẤN KIÊN

Kế Toán trưởng

Sơ đồ tổ chức



Hệ thống quản trị & Nguồn nhân lực



ĐỘ TUỔI LAO ĐỘNG

Từ ngày 01/08/2011 PVI đã chính thức hoạt động theo mô hình mới, theo đó PVI đã có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức và nhân sự như sau:

I | VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

1. CÔNG TY MẸ

Công ty Cổ phần PVI đã được thành lập trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam; kế thừa toàn bộ trách nhiệm, quyền lợi hợp pháp của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam; có chức năng đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết, kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực tài chính khác; chi phối các công ty con thông qua vốn, chiến lược phát triển, thương hiệu, thị trường, và công nghệ theo quy định của pháp luật.

2. CÔNG TY CON

Thành lập các công ty con do Công ty Cổ phần PVI đầu tư 100% vốn:

- Ngày 28/06/2011, PVI đã thành lập Tổng Công ty Bảo hiểm PVI, hoạt động theo hình thức công ty TNHH Một thành viên (MTV); kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam trước đó, chịu trách nhiệm về các tranh chấp phát sinh liên quan đến phần vốn và tài sản do Công ty mẹ giao. Vốn điều lệ đến 31/12/2011 là 1.500 tỷ đồng.
- Ngày 20/07/2011, PVI đã thành lập Công ty Tái Bảo hiểm PVI, hoạt động trong lĩnh vực tái bảo hiểm theo hình thức công ty TNHH MTV. Vốn điều lệ đến

31/12/2011 là 460 tỷ đồng.

3. CÔNG TY LIÊN KẾT

Ngoài ra PVI tham gia góp vốn vào các công ty liên kết khác như sau:

- Công ty Cổ phần Đầu tư PV2: PVI nắm giữ 44,9% vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng Lượng Mới (NLM Media): PVI nắm giữ 74,4% vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sapa (PVST): PVI nắm giữ 41,5% vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam (PVH): PVI nắm giữ 50% vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo hiểm Dầu khí: PVI nắm giữ 30,9% vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt: PVI nắm giữ 34% vốn điều lệ.



II | VỀ NHÂN SỰ

1. TẠI THỜI ĐIỂM CHUYỂN ĐỔI DOANH NGHIỆP (28/07/2011), TỔNG SỐ LAO ĐỘNG CỦA PVI LÀ 1.378 NGƯỜI

Khi thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp, toàn bộ số lao động 1.378 người được bố trí lại tại Công ty mẹ - Công ty Cổ phần PVI và các Công ty con (Tổng Công ty Bảo hiểm PVI, Công ty Tái Bảo hiểm PVI) như sau:

Công ty mẹ - Công ty Cổ phần PVI: 90 người

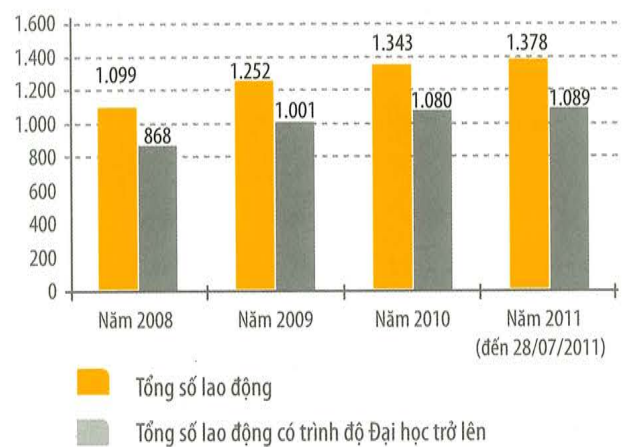
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI: 1.263 người

Công ty Tái Bảo hiểm PVI: 25 người

2. TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2011, TỔNG SỐ LAO ĐỘNG CỦA CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN PVI VÀ CÁC CÔNG TY CON (TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM PVI, CÔNG TY TÁI BẢO HIỂM PVI) LÀ 1.450 NGƯỜI, CỤ THỂ NHƯ SAU

- Công ty mẹ - Công ty Cổ phần PVI: 100 người
- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI: 1.318 người
- Công ty Tái Bảo hiểm PVI: 32 người

BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG NHÂN SỰ CỦA PVI TỪ 2008 ĐẾN 28/07/2011



86%
LAO ĐỘNG
DƯỚI 40 TUỔI

Thông tin cổ đông & Quan hệ nhà đầu tư



NĂM VỪA QUA PVI ĐÃ THU HÚT NHIỀU NHÀ ĐẦU TƯ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC, ĐẶC BIỆT PVI ĐÃ XÂY DỰNG ĐƯỢC QUAN HỆ ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC VỚI TẬP ĐOÀN TALANX (CHLB ĐỨC). THEO THỎA THUẬN ĐÃ KÝ, HDI-GERLING INDUSTRIE VERSICHERUNG AG, THÀNH VIÊN CỦA TALANX, ĐÃ MUA 25% CỔ PHẦN CỦA PVI, TƯƠNG ỨNG VỚI TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ 1.916 TỶ ĐỒNG (XẤP XỈ 93 TRIỆU USD) VÀ TRỞ THÀNH ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC NƯỚC NGOÀI TRONG LĨNH VỰC BẢO HIỂM CỦA PVI.

Trong thời gian qua, công tác quan hệ nhà đầu tư luôn được Công ty Cổ phần PVI đặc biệt chú trọng và quan tâm. Những hoạt động nhằm củng cố mối quan hệ vững chắc và phát huy vai trò cầu nối giữa PVI và nhà đầu tư đã góp phần không nhỏ vào sự phát triển lớn mạnh của PVI trong năm qua. Là một Công ty đại chúng có cổ phiếu được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), PVI luôn tuân thủ nghiêm túc các yêu cầu công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và HNX. Các thông tin về kết quả kinh doanh, tình hình tài chính, giao dịch cổ phần của Cổ đông lớn... luôn được công ty cập nhật trên website chính thức của Công ty (www.pvi.com.vn) cũng như các phương tiện thông tin đại chúng. Đồng thời, PVI cũng nhanh chóng phản hồi các câu hỏi và ý kiến của các nhà đầu tư thông qua đường điện thoại và email công bố trên website Công ty.

Bên cạnh đó, PVI đã duy trì được nhiều kênh thông tin hiệu quả với Cộng đồng và Nhà Đầu tư thông qua Đại hội đồng Cổ đông thường niên, tổ chức nhiều cuộc gặp gỡ, trao đổi với các Nhà Đầu tư, các Quỹ và tổ chức tài chính trong và ngoài nước nhằm tiếp nhận và giải đáp những thắc mắc, thông báo về tình hình kinh doanh, chiến lược phát triển của PVI. Ngoài ra, Công ty đã phát hành định kỳ báo cáo tài chính, báo cáo thường niên... giúp các nhà đầu tư có cái nhìn toàn diện về PVI.

Với những nỗ lực như vậy, năm vừa qua PVI đã thu hút nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước, đặc biệt PVI đã xây dựng được quan hệ đối tác chiến lược với Tập đoàn Talanx (CHLB Đức). Theo thỏa thuận đã ký, HDI-Gerling Industrie Versicherung AG, thành viên của Talanx, đã mua 25% cổ phần của PVI, tương ứng với tổng giá trị đầu tư 1.916 tỷ đồng (xấp xỉ 93 triệu USD) và trở thành đối tác chiến lược nước ngoài trong lĩnh vực bảo hiểm của PVI.

Trong năm 2012, PVI sẽ tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa các



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG PVI

TT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG	LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ CP SỞ HỮU SAU KHI TĂNG VỐN	TỶ LỆ SỞ HỮU CP TRƯỚC KHI TĂNG VỐN	TỶ LỆ SỞ HỮU CP SAU KHI TĂNG VỐN
1	CỔ ĐÔNG LỚN TRONG NƯỚC/SÁNG LẬP						
1.1	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	18 Láng Hạ, Hà Nội	Dầu khí, đầu tư	Nhà nước/sáng lập	83.149.740	52,06%	39,05%
1.2	Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)	22 Ngõ Quyền, Hà Nội	Tài chính	Nhà nước/sáng lập	16.250.043	10,17%	7,63%
2	CỔ ĐÔNG LỚN NƯỚC NGOÀI						
2.1	Funderburk Lighthouse Limited	Oman	Quỹ đầu tư	Nước ngoài/Chiến lược	22.092.500	13,83%	10,37%
2.2	HDI-Gerling Versicherung AG	Đức	Bảo hiểm	Nước ngoài/Chiến lược	53.236.788	0%	25,00%
2.3	Red River Holdings/ Temasia Capital Limited	Hồng Kông	Đầu tư tài chính	Nước ngoài	9.179.568	5,75%	4,31 %
3	CỔ ĐÔNG KHÁC					18,19%	13,64%

hoạt động quan hệ nhà đầu tư và cổ đông, tăng cường minh bạch hóa thông tin và tiếp nhận những phản hồi để hoàn thiện hơn nữa công tác quản trị doanh nghiệp bằng các hoạt động cụ thể như:

- Tăng cường năng lực hoạt động và sự phối hợp chặt chẽ giữa bộ phận Quan hệ công chúng (PR) và các Ban quản lý và kinh doanh nhằm cung cấp cho nhà đầu tư nhiều thông tin bổ ích hơn nữa.
- Nâng cấp website của công ty, bảo đảm trang thông tin được hoạt động liên tục và thường xuyên cập nhật những thông tin tài chính của công ty cho nhà đầu tư trong và ngoài nước.
- Tiếp tục triển khai việc trao đổi và cung cấp thông tin, lắng nghe những phản hồi của các nhà đầu tư hiện hữu và tiềm năng bằng nhiều hình thức khác nhau: tổ chức các cuộc gặp gỡ trực tiếp, ra mắt các bản tin nhà đầu tư theo định kỳ...

- Cải tiến và hoàn thiện quy trình công bố thông tin nhằm cung cấp cho Nhà Đầu tư những thông tin một cách nhanh nhất, trung thực và minh bạch nhất.
- Hợp tác với các cơ quan truyền thông, đặc biệt là các kênh thông tin chuyên ngành kinh tế, bảo hiểm, tài chính, chứng khoán nhằm cung cấp thông tin rộng rãi đến các nhà đầu tư.

Thông qua công tác Quan hệ Nhà Đầu tư, PVI cam kết và khẳng định tôn chỉ hoạt động hướng về lợi ích Nhà Đầu tư và Cổ đông - những người đã đồng hành cùng PVI trong chặng đường phát triển những năm qua và trong những năm tiếp theo.

Các công ty liên kết công ty con



TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM PVI



Ngày 28/06/2011 Bộ Tài chính đã cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 63GP/KDBH cho Tổng công ty Bảo hiểm PVI. Và từ ngày 01/08/2011, Tổng Công ty Bảo hiểm PVI bắt đầu đi vào hoạt động, kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ từ PVI.

Bảo hiểm PVI mang trong mình trọng trách của một doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH) hàng đầu Việt Nam, gánh trên vai trách nhiệm quản lý rủi ro cho toàn bộ tài sản, con người, các công trình và dự án của ngành Dầu

khí Việt Nam cũng như các Tập đoàn kinh tế, các khách hàng lớn trong và ngoài nước.

Năm 2011, doanh thu bảo hiểm gốc lũy kế của bảo hiểm PVI đạt 4.241 tỷ đồng (chưa tính hoàn phí và giảm phí), tăng trưởng 21% so với năm 2010; doanh thu từ hoạt động tái bảo hiểm là 640 tỷ đồng, tăng trưởng 36,6% so với năm 2010 trong đó doanh thu nhận tái và hoa hồng nhượng tái lần lượt là 453 tỷ đồng và 187 tỷ đồng.

Bảo hiểm PVI tiếp tục khẳng định DNBH hàng đầu thị trường với 20,8% thị phần bảo hiểm gốc, đứng thứ hai thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam. Nếu như tính cả doanh thu từ nhận tái bảo hiểm trong và ngoài nước thì Bảo hiểm PVI đã tiến rất gần với ngôi vị DNBH số 1 thị trường với 4.743 tỷ đồng doanh thu. Hơn nữa, Bảo hiểm PVI vẫn thể hiện ưu thế vượt trội so với các DNBH khác trên thị trường trong lĩnh vực bảo hiểm công nghiệp, tiếp tục dẫn đầu nghiệp vụ bảo hiểm Hàng hải (30% thị phần), nghiệp vụ bảo hiểm Xây dựng lắp đặt (33%) và thị phần tuyệt đối trong nghiệp vụ bảo hiểm Dầu khí. Đầu tháng 11/2011, tổ chức xếp hạng quốc tế A.M. Best đã chính thức công bố kết quả xếp hạng năng lực tài chính của Bảo hiểm PVI ở mức B+ (Tốt) sau tái cấu trúc. Việc tiếp tục giữ được xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp đã nâng cao năng lực cạnh tranh, cũng như khả năng huy động vốn trong tương lai của Bảo hiểm PVI trên thị trường quốc tế.

Với những thành công ban đầu chỉ sau thời gian ngắn hoạt động theo mô hình mới, Bảo hiểm PVI đã tiếp nối các giá trị truyền thống của thương hiệu PVI trước đây và đang mạnh mẽ phát triển để đạt được những thành công mới mà trước mắt chính là việc hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh của Công ty trong năm 2012, phấn đấu đạt trên 5.000 tỷ đồng doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, nhanh chóng ổn định bộ máy hoạt động, đưa thương hiệu Bảo hiểm PVI song hành cùng thương hiệu PVI tỏa sáng không chỉ trong nước mà còn trên trường quốc tế.

PVI RE - THƯƠNG HIỆU MỚI TRÊN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM

Ngày 20/07/2011, Bộ Tài chính đã cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 66GP/KDBH cho Công ty Tái Bảo hiểm PVI (PVI Re). Như vậy, PVI Re đã trở thành Công ty Tái Bảo hiểm thứ hai được cấp phép hoạt động tại Việt Nam, sau 17 năm chỉ có một mình Vinare.

Kế thừa thương hiệu và khả năng tài chính của PVI cũng như sự ủng hộ của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam trong việc thu xếp tái bảo hiểm cho các dự án, tài sản trong và ngoài nước của ngành Dầu khí, PVI Re sẽ tăng cường cung cấp các dịch vụ tái bảo hiểm tại thị trường trong nước trên cơ sở đảm bảo lợi ích các bên, từng

bước mở rộng khai thác dịch vụ trên phạm vi quốc tế. Với Ban Lãnh đạo và đội ngũ cán bộ tâm huyết, gắn bó, được đào tạo bài bản tại Anh, Úc, Đức, Thụy Sĩ, có kinh nghiệm nhiều năm làm tái bảo hiểm, PVI Re khát vọng trở thành một Công ty Tái Bảo hiểm chuyên nghiệp có thương hiệu và được xếp hạng quốc tế.

Kết quả kinh doanh mà PVI Re đạt được sau 5 tháng đi vào hoạt động rất đáng khích lệ. Kết quả Tổng doanh thu của PVI Re đạt 114 tỷ đồng, tổng lợi nhuận kế toán đạt 11,4 tỷ đồng. Bên cạnh kết quả hoạt động kinh doanh, Ban Lãnh đạo và cán bộ nhân viên của PVI Re đang nỗ lực hoàn thiện mô hình tổ chức công ty, đồng thời đã ký hợp đồng tư vấn với tổ chức tư vấn chuyên nghiệp để tiến hành xếp hạng doanh nghiệp theo chuẩn quốc tế.

Để đạt được mục tiêu tổng doanh thu tái bảo hiểm năm 2012 là 1.114 tỷ đồng, Ban Lãnh đạo PVI Re đã đề ra những giải pháp lớn và xuyên suốt, trong đó có 2 vấn đề cốt lõi là xếp hạng tài chính quốc tế và tăng vốn điều lệ, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo ra sự khác biệt bằng sự chuyên nghiệp, chất lượng dịch vụ và uy tín với năng lực vượt trội. Bên cạnh các sản phẩm bảo hiểm truyền thống như bảo hiểm hàng không, bảo hiểm năng lượng, hàng hải, kỹ thuật, bảo hiểm tài sản, PVI Re tiếp tục đầu tư nghiên cứu các sản phẩm bảo hiểm mới nhằm đáp ứng nhu cầu và nắm bắt cơ hội mới từ thị trường.

Không chỉ dừng ở việc tập trung khai thác nhận, trao đổi dịch vụ tại thị trường Việt Nam, xa hơn PVI Re đang nhắm tới các nước Đông Nam Á và châu Á, từng bước khai thác dịch vụ trên phạm vi toàn cầu để hướng đến một thương hiệu mang tầm quốc tế.

PV2 TỰ TIN BƯỚC VÀO NĂM 2012

Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 được thành lập từ tháng 06/2007, với ngành nghề kinh doanh chính là đầu tư bất động sản và đầu tư tài chính. Trải qua 04 năm hình thành phát triển, được sự hậu thuẫn chắc chắn từ phía Cổ đông PVI hoạt động kinh doanh của PV2 qua các năm đều có lãi. Thực tế cho thấy kết quả kinh doanh các năm sau đều cao hơn năm trước thể hiện một bước phát triển rất bền vững, tạo tiền đề để tăng tốc trong các năm tiếp theo.

Để thực hiện được thắng lợi kế hoạch, ngay từ đầu năm 2011, Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo PV2 đã đề ra các giải pháp tích cực phù hợp với điều kiện kinh tế vĩ mô và



Các công ty liên kết công ty con (tiếp theo)



tình hình thực tế của Công ty để chỉ đạo quyết liệt các khối kinh doanh bám sát thị trường, phát huy lợi thế sẵn có, vừa biết lựa chọn cơ hội đầu tư, vừa phòng ngừa rủi ro đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của PV2 được duy trì ổn định, bảo toàn đồng vốn, có hiệu quả, ổn định công việc và mức thu nhập cho người lao động. Với giải pháp nêu trên, PV2 đã đạt được những kết quả kinh doanh rất tích cực.

Kết thúc năm 2011, PV2 đã nỗ lực phấn đấu để đạt các chỉ tiêu kết quả kinh doanh cao: Doanh thu là 252 tỷ đồng (gấp 1,3 lần so với cùng kỳ năm 2010); Lợi nhuận trước thuế là 38,6 tỷ đồng (gấp 1,02 lần so với cùng kỳ năm 2010); cổ tức là 7%.

PV2 không tự thỏa mãn để dừng lại ở những thành công đạt được, mà bằng nhiệt huyết và sức trẻ, lấy trí thức làm nền tảng, phát triển bền vững làm định hướng... PV2 tự tin bước vào năm 2012 và những năm tiếp theo. Niềm tin khát vọng của PV2 là tiếp tục phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển và tăng trưởng cao hơn nữa để khẳng định thương hiệu mạnh của chính mình trên thương trường, mang lại hiệu quả cao về kinh tế và xã hội, xứng đáng là thành viên của PVI và niềm tin yêu của các Cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ SAPA (PVST)

Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sapa (PVST) đi vào hoạt động chính thức từ ngày 01/07/2008, với số vốn điều lệ là 100 tỷ đồng.

Tình hình kinh tế - xã hội trong những năm vừa qua luôn biến động làm ảnh hưởng không nhỏ tới các hoạt động của PVST. Tuy nhiên, với định hướng phát triển đa ngành, PVST đã từng bước vượt qua những khó khăn, thách thức của năm 2011, xác lập một vị trí vững chắc trong các lĩnh vực kinh doanh chính của mình. Chính mẫu mã, chất lượng sản phẩm, phong cách phục vụ chuyên nghiệp

trong dịch vụ bán hàng và sau bán hàng đã nhận được sự tín nhiệm và hài lòng từ phía khách hàng khi sử dụng các sản phẩm và dịch vụ của Công ty.

Sản phẩm rượu đặc sản San Lùng do PVST độc quyền phân phối và sở hữu nhãn hiệu hàng hóa đã được trao tặng các giải thưởng uy tín như: Trí tuệ Thăng Long, Sao Vàng Đất Việt, Cúp Vàng sản phẩm tiêu biểu 1.000 năm Thăng Long Hà Nội...

Với khẩu hiệu "Nụ cười của bạn - Hạnh phúc của chúng tôi", PVST đã không ngừng cố gắng hoàn thiện mình, đáp ứng mong mỏi của khách hàng. Hoạt động kinh doanh lĩnh vực của PVST thu hút được đông đảo du khách trong và ngoài nước, với các tour du lịch phong phú, hấp dẫn, giá cả cạnh tranh. Tổng doanh thu năm 2011 đạt 65 tỷ đồng; thu hút khoảng 35.000 lượt khách, chiếm 48% thị phần khách du lịch trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Nhằm đáp ứng nhu cầu nghỉ dưỡng tại Sapa, Công ty cũng đang nhanh chóng xúc tiến gấp rút hoàn thành việc xây dựng Khách sạn Dầu khí Sa Pa tiêu chuẩn 3 sao và Khách sạn Chapa Garden giai đoạn 2 với tổng số 60 phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN DẦU KHÍ VIỆT NAM (PVH)

Công ty Cổ phần PVI là 1 trong 4 Cổ đồng sáng lập Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam (PVH). PVI là cổ đông đóng góp 50% cổ phần và quản lý, chỉ đạo trực tiếp PVH.

Ngày 27/06/2011, tại Khu đô thị mới Vạn Tường, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam (PVH) đã chính thức tổ chức lễ ra mắt hoạt động và đổi tên Bệnh viện Dung Quất thành Bệnh viện Dầu khí Dung Quất trực thuộc PVH.



Bệnh viện Dầu khí Dung Quất được xây dựng trên diện tích đất đồi rộng gần 6.000 m², theo thiết kế kiểu mẫu Bệnh viện hiện đại, quy mô 300 giường bệnh và đã đưa vào sử dụng 100 giường bệnh.



Bệnh viện Dầu khí Dung Quất khi vừa được PVH tiếp nhận chỉ có 08 bác sỹ, 01 dược sỹ đại học, 71 dược sỹ trung học - điều dưỡng - kỹ thuật viên. Đến nay số lượng đã là 21 bác sỹ, thạc sỹ, chuyên khoa và 03 dược sỹ đại học. PVH đã đầu tư nhiều máy móc thiết bị y tế hiện đại, chỉnh trang lại phòng bệnh, cơ sở hạ tầng kỹ thuật đầy đủ tiện dụng, nâng cao chất lượng các dịch vụ khám điều trị nội, ngoại trú.

Đồng thời, PVH cũng ký các Thỏa thuận hợp tác với một số bệnh viện hàng đầu như Bệnh viện Việt Đức, Bệnh viện Phụ sản Trung ương, Bệnh viện lâm sàng Nhiệt Đới... nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của Bệnh viện Dầu khí Dung Quất thông qua các hoạt động cụ thể như đào tạo, tư vấn và cung cấp các dịch vụ y tế của các bệnh viện tuyến Trung ương cho Bệnh viện Dầu khí Dung Quất.

Với tất cả sự nhiệt huyết của đội ngũ Lãnh đạo, bác sỹ, y sỹ và sự đầu tư kỹ về máy móc thiết bị, Bệnh viện Dầu khí Dung Quất luôn tự hào là "Một địa chỉ của lương tâm và trách nhiệm".

NĂNG LƯỢNG MỚI MEDIA - "CHUYÊN NGHIỆP, TẬN TÂM VÀ KHÁC BIỆT"

Công ty Cổ phần Thương mại & Truyền thông Năng Lượng Mới (NLM Media) - tiền thân là Công ty Cổ phần Truyền thông Dầu khí, đơn vị truyền thông chuyên nghiệp duy nhất của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt

Nam, đã ra đời vào năm 2007.

Với đội ngũ nhân viên năng động, giàu kinh nghiệm, đam mê sáng tạo, được đào tạo bài bản trong và ngoài nước, Năng Lượng Mới Media cam kết mang đến cho khách hàng các dịch vụ chuyên nghiệp, hiệu quả, phù hợp với từng chiến lược truyền thông.

Để phù hợp với chiến lược phát triển trong giai đoạn mới, năm 2012, Năng Lượng Mới Media tiến hành tái cấu trúc lại mô hình tổ chức để nắm bắt cơ hội mới, phát triển bền vững, tối đa hóa giá trị dài hạn của doanh nghiệp từ đó tạo động lực mới trong lao động sản xuất, nâng cao chất lượng nguồn lao động. Theo đó, bộ máy của Năng Lượng Mới Media sẽ tinh gọn, đội ngũ sản xuất thạo nghề, một người làm được nhiều việc. Công ty đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, cắt giảm những chi phí và các hạng mục đầu tư chưa thực sự cần thiết. Trong chiến lược phát triển của mình, Năng Lượng Mới Media không ngừng phấn đấu để trở thành thương hiệu hàng đầu ở Việt Nam về tính chuyên nghiệp và sự tận tâm trong cung cấp các dịch vụ truyền thông, hướng tới sự phát triển bền vững và uy tín.





Lễ ra mắt PVI Holdings

Khởi đầu bất phá, Khát vọng tiên phong





Quản trị Doanh nghiệp



MỘT SỐ ĐIỂM NỔI BẬT TRONG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP CỦA PVI NĂM 2011

I | THAY ĐỔI NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Theo Nghị quyết số 01/2011/NQ - ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2011 của PVI ngày 15/04/2011:

- Ông Trần Văn Quý được bầu làm thành viên HĐQT thay thế cho ông Trần Văn Kim (nghỉ hưu).
- Ông Patrick Choffel được bầu bổ sung làm thành viên HĐQT theo đề cử của Cổ đông chiến lược Funderburk Lighthouse Limited (công ty do Quỹ Đầu tư Oman - OIF sở hữu toàn bộ).
- Ông Gerard Amal Wahab được bầu bổ sung làm thành viên Ban Kiểm soát theo đề cử của Cổ đông chiến lược Funderburk Lighthouse Limited.

Như vậy, số thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2007 - 2012 đã tăng từ 05 lên 06 thành viên theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2010 ngày 20/04/2010 thông qua việc tăng số lượng thành viên HĐQT PVI.

II | HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2011, HĐQT của PVI đã thực hiện các nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của PVI. HĐQT đã tổ chức họp 01 kỳ họp Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) vào ngày 15/04/2011 và các phiên họp HĐQT thường kỳ hàng quý. Giữa các phiên họp thường kỳ, HĐQT của PVI luôn theo dõi, kiểm tra và giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, ban hành các Nghị quyết, Quyết định kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của Ban Điều hành. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành đều dựa trên sự chấp thuận, thống nhất của các thành viên HĐQT.

HĐQT đã có những chỉ đạo kịp thời để tiến hành các hoạt động quan trọng sau:

- Cơ cấu lại danh mục đầu tư:
 - Góp vốn kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư PV2.
 - Thực hiện góp vốn vào các công ty liên kết: Công ty cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam; Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt.
 - Nhận chuyển nhượng phần vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PVFC Capital.
- Tăng cường giám sát các công ty con và công ty liên kết thông qua người đại diện phần vốn góp của PVI.
- Tổ chức thành công họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2011.
- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện thành công công tác tái cấu trúc, chuyển đổi hoạt động của PVI sang mô hình Công ty mẹ - Công ty con với Công ty mẹ là Công ty Cổ phần PVI (PVI); thành lập 02 công ty con dưới hình thức công ty TNHH MTV do PVI làm chủ sở hữu 100% vốn, bao gồm:

**PVI ĐÃ TĂNG
VỐN ĐIỀU LỆ TỪ
1.597 TỶ ĐỒNG LÊN
2.129 TỶ ĐỒNG**

- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ.
- Công ty Tái Bảo hiểm PVI hoạt động trong lĩnh vực tái bảo hiểm.
- Chỉ đạo việc thực hiện chi trả cổ tức 15%.
- Cơ cấu lại tổ chức, nhân sự và ban hành các quy chế của Công ty Cổ phần PVI phù hợp với mô hình hoạt động mới sau khi tái cấu trúc của PVI.
- Đàm phán và thực hiện thành công phương án chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài (Công ty HDI - Gerling Industrie Versicherung AG thuộc sở hữu của Tập đoàn Talanx AG) theo đúng các quy định của pháp luật. Thông qua đợt chào bán này, PVI đã tăng vốn điều lệ từ 1.597 tỷ đồng lên 2.129,4 tỷ đồng.
- Chỉ đạo mua lại cổ phiếu PVI làm cổ phiếu quỹ nhằm mục đích bình ổn giá cổ phiếu PVI trên thị trường và bảo vệ quyền lợi cho các cổ đông.

III | HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (BKS)

BKS do Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2010 ngày 20/04/2010 và Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2011 ngày 15/4/2011 bầu ra, gồm 04 thành viên: 01 thành viên chuyên trách làm Trưởng ban và 03 thành viên kiêm nhiệm. Các thành viên trong BKS được phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng. Hàng quý, BKS đều tổ chức họp định kỳ giữa các thành viên với nội dung: thông qua kết quả kiểm tra giám sát quý trước, thống nhất những ý kiến đánh giá, kiến nghị với PVI và xây dựng kế hoạch chi tiết cho quý sau. BKS thường xuyên tiến hành giám sát hoạt động của PVI và phối hợp với các Ban nghiệp vụ tổ chức các cuộc kiểm tra theo chuyên đề.

Nội dung kiểm tra giám sát trong năm bao gồm:

- Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD). Thẩm định báo cáo hoạt động của HĐQT.
- Giám sát việc phối hợp giữa HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý khác.
- Giám sát việc sửa đổi và hoàn thiện các Quy chế, quy định nội bộ của PVI.
- Kiểm tra việc thực hiện các quy chế tại PVI và các công ty thành viên, Quy chế chi tiêu, Quy chế đầu tư tài chính, Quy chế định mức chi phí kinh doanh.
- Giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm.

Thẩm định Báo cáo Tài chính. Đánh giá, phân tích các chỉ tiêu tài chính trong năm.

Trong quá trình hoạt động giám sát cũng như sau mỗi cuộc kiểm tra, BKS đều có các ý kiến đánh giá, phân tích mặt được mặt yếu và đưa ra các kiến nghị trong công tác điều hành kinh doanh và quản lý của PVI nhằm khắc phục các tồn tại đảm bảo công tác kinh doanh của PVI đạt hiệu quả cao nhất.

IV | PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2011, HĐQT đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo thực hiện triển khai đúng theo các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, và tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, HĐQT tiếp tục chú trọng công tác quản trị rủi ro, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ thông qua các quy định, quy chế điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong các hoạt động của PVI.

Ban Tổng Giám đốc đã điều hành các hoạt động kinh doanh và các lĩnh vực khác của PVI theo sát những quyết sách của HĐQT, đảm bảo sự phối hợp hoạt động quản trị của PVI được hiệu quả.

Ban Kiểm soát phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc nhưng vẫn duy trì sự độc lập của mình. Trong năm qua, Ban Kiểm soát cũng tăng cường việc kiểm tra định kỳ, nâng cao chất lượng cũng như tính độc lập của hoạt động kiểm soát.

V | ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CỦA PVI

Trong thời gian tới, trước những yêu cầu ngày càng cao của nền kinh tế thời kỳ hội nhập, PVI ý thức rất rõ yêu cầu phải hoàn thiện bộ máy quản trị của PVI để nâng cao năng lực cạnh tranh và tính minh bạch trong hoạt động của mình, đồng thời đảm bảo quyền lợi của các Cổ đông, Khách hàng và Đối tác của PVI.

PVI tiếp tục thực hiện mục tiêu nâng cao tính chuyên nghiệp của bộ máy quản trị trên nguyên tắc đảm bảo cân bằng giữa định hướng, kiểm soát và quản trị rủi ro.



QUẢN LÝ RỦI RO LÀ MỘT QUÁ TRÌNH XEM XÉT ĐÁNH GIÁ TOÀN DIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP ĐỂ NHẬN BIẾT NHỮNG NGUY CƠ TIỀM ẨN CÓ THỂ TÁC ĐỘNG XẤU ĐẾN CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP, TRÊN CƠ SỞ ĐÓ SẼ ĐƯA RA CÁC GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ, PHÒNG NGỪA PHÙ HỢP TƯƠNG ỨNG VỚI TỪNG NGUY CƠ

QUẢN TRỊ RỦI RO DOANH NGHIỆP TẠI PVI

Hiện nay, hoạt động quản lý rủi ro ngày càng được chú trọng hơn trong doanh nghiệp khi mà nền kinh tế trong nước đang hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế toàn cầu và bị ảnh hưởng trực tiếp bởi các tác nhân tích cực cũng như tiêu cực. Một hệ thống quản lý rủi ro được tổ chức tốt và vận hành hiệu quả sẽ giúp doanh nghiệp đứng vững, vượt qua những biến động và góp phần tăng thêm giá trị cho doanh nghiệp cũng như giúp cải thiện hiệu quả hoạt động và tạo lợi thế cạnh tranh, góp phần phân bổ và sử dụng hiệu quả những nguồn lực trong doanh nghiệp, giảm thiểu những sai sót trong mọi mặt hoạt động của doanh nghiệp... Tuy nhiên, việc tổ chức một hệ thống quản lý rủi ro hoàn chỉnh như thế nào lại là điều không dễ dàng. Nhận thức được điều đó, Ban Lãnh đạo PVI đã đưa mục tiêu hoàn thiện và nâng cấp mô hình quản lý rủi ro truyền thống sang mô hình quản trị rủi ro doanh nghiệp hiện đại là một trong những mục tiêu quan trọng trong giai đoạn 2011 - 2015.

Vậy PVI đã thực hiện như thế nào để thiết lập hệ thống quản lý rủi ro? PVI đã bắt đầu từ việc xây dựng Chính sách quản lý rủi ro. Chính sách này xác định rõ phương pháp tiếp cận đối với rủi ro và quản lý rủi ro. Bên cạnh đó, chính sách quản lý rủi

“ Việc triển khai hoạt động quản lý rủi ro cũng gắn liền với chiến lược kinh doanh, kế hoạch kinh doanh hàng năm và các quy trình nghiệp vụ trong Công ty. ”

ro cũng qui định rõ trách nhiệm của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các Ban, các Đơn vị trực thuộc đối với quản lý rủi ro xuyên suốt doanh nghiệp. Việc triển khai hoạt động quản lý rủi ro cũng gắn liền với chiến lược kinh doanh, kế hoạch kinh doanh hàng năm và các quy trình nghiệp vụ trong công ty.

Việc bố trí và sử dụng hợp lý các nguồn lực là điều kiện cần thiết cho sự thực hiện thành công quy trình quản lý rủi ro trong Công ty. Các nguồn lực cần thiết cho hoạt động quản lý rủi ro phải được thiết lập tại từng cấp quản lý và trong từng đơn vị. Để hệ thống quản lý rủi ro thực sự hoạt động, cần đảm bảo các yêu cầu: cam kết của Ban Lãnh đạo cấp cao đối với hoạt động quản lý rủi ro, phân công trách nhiệm rõ ràng trong Công ty đối với hoạt động quản lý rủi ro, đảm bảo phân bổ hợp lý các nguồn lực cho hoạt động đào tạo và nâng cao nhận thức về rủi ro và đặc biệt là việc thực thi, tuân thủ chính sách quản lý rủi ro. PVI đang hoàn thiện việc xây dựng và đưa vào áp dụng hệ thống tiêu chí đánh giá chất lượng thực hiện công việc của nhân viên (KPIs) trong đó bao gồm việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro.

Hệ thống quản lý rủi ro cũng được tích hợp vào cơ cấu tổ chức và quá trình ra quyết định trong PVI. Các chốt kiểm soát được thiết lập trong từng quy trình nghiệp vụ đang được áp dụng tại PVI cũng như tại mỗi phòng ban, mỗi cấp quản lý để giảm thiểu tối đa rủi ro có thể xảy ra đối với từng hoạt động của Công ty.

Hiện tại PVI đang phối hợp với đơn vị tư vấn nước ngoài để thực hiện dự án hoàn thiện hệ thống kiểm toán và kiểm soát nội bộ - một trong những dự án được ưu tiên hàng đầu để xây dựng quy trình quản lý rủi ro thống nhất trong PVI, rà soát và xác định lại hệ thống kiểm soát nội bộ đã đủ mạnh để kiểm soát được toàn bộ các

rủi ro có thể xảy ra cũng như nâng cao nhận thức về rủi ro cũng như khả năng ứng phó với rủi ro một cách phù hợp trong toàn hệ thống.

PVI là một trong những doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam được tổ chức A.M. Best xếp hạng tín nhiệm tài chính và đạt mức B+ (Tốt). Tại thời điểm lần đầu tiên được công bố xếp hạng, PVI là doanh nghiệp duy nhất trong lĩnh vực bảo hiểm và tài chính của Việt Nam được một tổ chức quốc tế xếp hạng tín nhiệm tài chính và đạt mức B+ (Tốt). Một trong những yếu tố A.M. Best xem xét khi xếp hạng đó là hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp, và PVI đã chứng minh được hệ thống của mình hoạt động có hiệu quả.

Môi trường công ty đang hoạt động là không ngừng vận động, vì vậy việc xem xét điều chỉnh các biện pháp đang thực hiện để quản lý rủi ro phù hợp với những chuyển biến của môi trường là rất cần thiết. Định kỳ, PVI xem xét lại mức độ phù hợp của danh sách các rủi ro cùng với biện pháp ứng phó tương ứng để đảm bảo không tồn tại vùng cấm - là những khu vực không được tiếp cận đánh giá, kiểm soát.

Tóm lại, hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp ngày càng minh chứng vai trò quan trọng của nó và đóng góp cho sự thành công của PVI ngày nay bởi một khi rủi ro được dự báo trước, PVI có thể xây dựng và triển khai những kế hoạch ứng phó hiệu quả và đảm bảo sự phát triển bền vững.

**PVI LÀ MỘT TRONG NHỮNG
DOANH NGHIỆP ĐẦU TIÊN TẠI
VIỆT NAM ĐƯỢC TỔ CHỨC A.M.
BEST XẾP HẠNG TÍN NHIỆM TÀI
CHÍNH VÀ ĐẠT MỨC B+ (TỐT)**

Hoạt động Xã hội



Ngoài việc chú trọng phát triển kinh doanh đạt hiệu quả cao, PVI còn chú trọng phát triển tài sản quý giá nhất của mình đó chính là nguồn nhân lực. Một tổ chức muốn phát triển vững bền thì không thể thiếu được sự gắn kết giữa mỗi con người trong tổ chức đó. Và Công đoàn PVI đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ này. Công đoàn tham gia vào công tác quản lý, động viên người lao động hăng hái thi đua trong lao động sản xuất kinh doanh thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch.

Năm 2011, tập thể PVI cũng như CBCNV toàn ngành Dầu khí đã rất vui mừng kỷ niệm “50 năm ngày truyền thống của ngành Dầu khí, 20 năm thành lập Công đoàn Dầu khí Việt Nam”. Công đoàn PVI đã vận động CBCNV tham gia cuộc thi tìm hiểu lịch sử ngành Dầu khí cũng như cuộc vận động sáng tác ca khúc về ngành. Ngoài ra Công đoàn cũng tổ chức tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn: Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 3/2, ngày Quốc tế Lao động 1/5, Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh 19/5, Ngày Thương Binh liệt sĩ 27/7,... với nhiều nội dung và hoạt động phong phú, hiệu quả.

**KHÔNG CHỈ CHÚ TRỌNG
ĐẾN NHỮNG HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY, CÔNG ĐOÀN
PVI CÒN ĐẨY MẠNH NHỮNG
HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI**



Mỗi đoàn viên Công đoàn và người lao động PVI đã góp những viên gạch hồng để xây dựng ngôi nhà chung PVI phát triển bền vững.



Phong trào thi đua là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong chương trình hoạt động toàn khoá của Công đoàn PVI. Các phong trào thi đua lớn hàng năm như: thi đua "Về đích trước" hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm; Thi đua tình nguyện xây dựng thị trường trọng điểm phía Nam; Thi đua kinh doanh giỏi, hiệu quả cao; "Giữ gìn vệ sinh môi trường làm việc" đều được CBNV nhiệt tình hưởng ứng.

Không chỉ chú trọng đến những hoạt động phong trào trong PVI, Công đoàn PVI còn đẩy mạnh những hoạt

động an sinh xã hội. Và trong năm qua Công đoàn đã vận động CBNV tự giác và tích cực tham gia các hoạt động xã hội với các chương trình như: Ủng hộ Chương trình khám chữa bệnh, phát thuốc miễn phí cho các đối tượng chính sách, người nghèo tỉnh Quảng Ngãi, Tặng quà cho cựu chiến binh và ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa nhân dịp 27/7, Tổ chức Chương trình "2000 suất quà Tết tặng người nghèo tỉnh Quảng Ngãi đón Xuân 2012", Ủng hộ xây dựng Trường học mầm non tại huyện Kim Bảng và huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, Ủng hộ nhân dân Nhật Bản bị động đất, sóng thần... với số tiền gần 12 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Công đoàn còn tham gia tài trợ các giải thi đấu thể thao, các chương trình sự kiện, chương trình nghệ thuật gây quỹ từ thiện với số tiền gần 2 tỷ đồng.

Hoạt động văn hóa, thể thao và xây dựng văn hoá doanh nghiệp cũng là một trong những hoạt động được Công đoàn PVI quan tâm. Phong trào xây dựng đời sống văn hóa được tuyên truyền và phổ biến sâu rộng mang bản sắc văn hóa Dầu khí, văn hóa PVI, thể hiện từ thái độ, trách nhiệm của mỗi người với công việc, từ giao tiếp ứng xử với khách hàng, với đồng nghiệp, với cộng đồng... Chính những giá trị đó, mỗi đoàn viên công đoàn và người lao động PVI đã góp những viên gạch hồng để xây dựng ngôi nhà chung PVI ngày càng bền vững.

G CỘNG SẢN VIỆT NAM O



LỄ CÔNG BỐ VÀ Đ
CHỨNG CHỈ QU



PVI - 3 năm liên tiếp đạt xếp hạng tín nhiệm quốc tế từ AM Best

Tiêu chuẩn quốc tế, Chứng nhận chuyên nghiệp

UANG VINH MUÔN NĂM

**ON NHẬN
ỐC TẾ**

TÀ CHỈ B⁺
NHÀ S... AT... B⁺



Sự kiện & Giải thưởng - Danh hiệu



- 1 PVI long trọng kỷ niệm 15 năm Ngày thành lập (23/01/1996 - 23/01/2011).

- 3 PVI là Định chế Tài chính - Bảo hiểm duy nhất của Việt Nam trong năm 2011 được Chủ tịch nước phong tặng Danh hiệu Anh hùng Lao động.

- 4 Đến nay, PVI là đơn vị duy nhất của Việt Nam trên sàn chứng khoán hoàn thành việc tái cấu trúc và chuyển đổi thành công mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Với mô hình này, hoạt động của PVI rộng hơn và có tính khác biệt hơn.

- 5 PVI đã thành công trong đàm phán với Cổ đông chiến lược để tăng vốn. Tại thời điểm PVI tăng vốn, các doanh nghiệp tăng vốn tỷ lệ 1:1 đã là khó, nhưng PVI lại tăng vốn gấp 2,6 lần giá trên sàn.



A.M. Best Company

certifies that

**Petrovietnam Insurance
Joint Stock Corporation**

has a

Best's Financial Strength Rating

of

B+ (Good)

Certificate Publication Date: March 29, 2011

Best's Financial Strength Ratings are subject to change.

To confirm the latest rating, visit www.aambest.com

A.M. Best Company

Anker Road, Oldwick, NJ 08851 USA



A.M. Best
President



Matthew Wilson
Senior Vice President
Eurosif

2 PVI là Doanh nghiệp Tài chính - Bảo hiểm duy nhất ở Việt Nam được A.M Best xếp hạng năng lực tài chính ở mức B+ (Tốt) hai năm liên tiếp. Tổng công ty Bảo hiểm PVI là công ty con của PVI ngay khi đi vào hoạt động sau tái cấu trúc cũng được A.M Best xếp hạng ở mức này.

**6 ĐÂY LÀ LẦN THỨ
HAI LIÊN TIẾP PVI
ĐƯỢC TẠP CHÍ
WORLD FINANCE
BẦU CHỌN LÀ
DOANH NGHIỆP
BẢO HIỂM TIÊU BIỂU
CỦA VIỆT NAM.**

7 PVI là nhà bảo hiểm công nghiệp đứng đầu thị trường, dẫn đầu trong các lĩnh vực bảo hiểm trọng yếu như Bảo hiểm Năng lượng (thị phần tuyệt đối), Bảo hiểm Kỹ thuật và Tài sản (40%); Bảo hiểm Hàng hải (30%).



8 Tổng kết năm 2011, doanh thu của PVI đạt 5.655 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 468 tỷ đồng. Tất cả các chỉ tiêu của PVI đều vượt so với kế hoạch của Đại hội đồng Cổ đông đề ra.

Chỉ số tài chính kinh doanh

Nổi bật 2011

NĂM 2011 LÀ NĂM GHI DẤU ẤN VỚI NHIỀU THÀNH QUẢ ĐÁNG GHI NHỚ TRONG LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA PVI, TRONG ĐÓ THÀNH TỰU NỔI BẬT LÀ THỰC HIỆN THÀNH CÔNG CÔNG TÁC TÁI CẤU TRÚC TOÀN PVI, PVI CHÍNH THỨC HOẠT ĐỘNG THEO MÔ HÌNH CÔNG TY MẸ - CON TỪ THÁNG 08/2011. ĐỒNG THỜI PVI CÒN XUẤT SẮC THỰC HIỆN THÀNH CÔNG VIỆC TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ 1.597 TỶ ĐỒNG LÊN 2.129 TỶ ĐỒNG VỚI CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC NƯỚC NGOÀI TALANX GROUP.

VỚI ĐƯỜNG HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐÚNG ĐẮN VÀ QUYẾT LIỆT CỦA BAN LÃNH ĐẠO PVI, NĂM 2011 TOÀN PVI ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC KẾT QUẢ KINH DOANH RẤT ĐÁNG KHÍCH LỆ:

TỔNG TÀI SẢN: 8.194 TỶ ĐỒNG, TĂNG GẤP GẦN 1,27 LẦN TỔNG TÀI SẢN SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2010.

TỔNG DOANH THU: 5.655 TỶ ĐỒNG

hoàn thành 116% kế hoạch năm, tăng trưởng 25% so với cùng kỳ năm 2010, trong đó:

DOANH THU HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM: 4.751 TỶ ĐỒNG

hoàn thành 108 % kế hoạch năm, tăng trưởng 22% so với cùng kỳ năm 2010;

DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH: 849 TỶ ĐỒNG

hoàn thành 175 % kế hoạch năm, tăng trưởng 40% so với cùng kỳ năm 2010.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ: 468 TỶ ĐỒNG

hoàn thành 111% kế hoạch năm, tăng trưởng 39% so với cùng kỳ năm 2010

LỢI NHUẬN SAU THUẾ: 348 TỶ ĐỒNG

hoàn thành 108% kế hoạch năm, tăng trưởng 17% so với cùng kỳ năm 2010

TỔNG TÀI SẢN: 8.194,87 TỶ ĐỒNG,
tăng gấp gần 1,27 lần tổng tài sản so với cùng kỳ năm 2010.**NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC: 447 TỶ ĐỒNG,**
hoàn thành 120% kế hoạch năm, tăng trưởng 51% so với cùng kỳ năm 2010.**VỐN ĐIỀU LỆ: 2.129 TỶ ĐỒNG,**
tăng gấp 1,3 lần vốn điều lệ so với cùng kỳ năm 2010

Định hướng
Phát triển
cho tương lai



MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

PVI nỗ lực phấn đấu trở thành Tập đoàn Bảo hiểm - Tài chính có thương hiệu quốc tế với phương châm: Phát triển nhanh, bền vững dựa trên nền tảng tri thức, sức mạnh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, kết hợp hài hòa lợi ích của các cổ đông, khách hàng và người lao động.

MỤC TIÊU CỤ THỂ TRONG NĂM 2012

Với những thành tựu đã đạt được trong năm 2011, bước sang năm 2012, PVI tiếp tục con đường chinh phục đỉnh cao của mình và xác định là năm “thử lửa”, bước ngoặt mới cho toàn PVI với các mục tiêu và nhiệm vụ chính như sau:

- Thực hiện thành công việc tăng vốn điều lệ lên hơn 4.662 tỷ đồng.
- Nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm/tái bảo hiểm và đầu tư tài chính trên nguyên tắc tăng trưởng hiệu quả và bảo toàn vốn.
- Giữ vững vai trò là nhà bảo hiểm công nghiệp số 1 Việt Nam với mục tiêu phát triển bền vững.
- Tăng cường hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm trong nước và quốc tế.
- Đầu tư cẩn trọng và chọn lọc mang lại hiệu quả cao cho toàn hệ thống.

MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG GIAI ĐOẠN 2013 - 2015

Trên cơ sở mục tiêu chính của PVI là phấn đấu trở thành một Định chế Tài chính - Bảo hiểm vững mạnh ở trong nước và quốc tế, do vậy trong giai đoạn 2013 - 2015, PVI dự kiến:

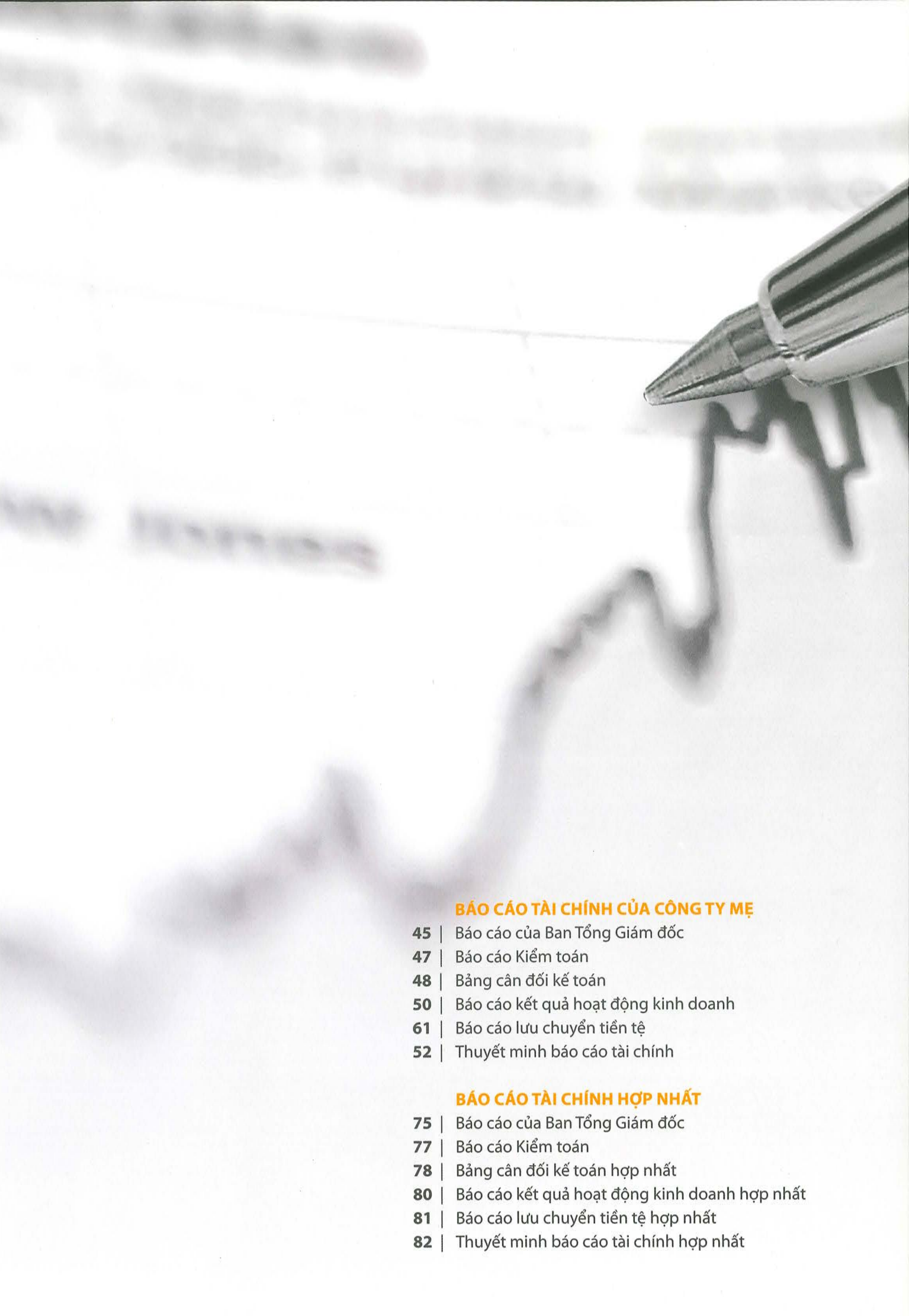
- Tốc độ tăng trưởng doanh thu từ 15 - 20%.
- Lợi nhuận trước thuế tăng trưởng từ 20 - 25%.
- Ổn định lợi nhuận chia cổ tức (15%).

**TỐC ĐỘ
TĂNG TRƯỞNG
DOANH THU TỪ
15-20%**





**Báo cáo
Tài Chính
2011**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY MẸ

- 45** | Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 47** | Báo cáo Kiểm toán
- 48** | Bảng cân đối kế toán
- 50** | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 61** | Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 52** | Thuyết minh báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- 75** | Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 77** | Báo cáo Kiểm toán
- 78** | Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 80** | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 81** | Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 82** | Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



1	1.1224
2	1.4525
3	1.5178
4	3.0979
5	0.5629
6	1.6629

Báo cáo Tài Chính của Công ty mẹ

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1 | HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Tôn Thiện Việt	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Vạn Thuận	Ủy viên
Ông Trần Văn Kim	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2011)
Ông Nguyễn Khuyển Nguồn	Ủy viên
Ông Trần Văn Quý	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2011)
Ông Patrick Claude Franklin Choffel	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2011)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Vạn Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Khắc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Quốc Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Đức	Phó Tổng Giám đốc

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

2 | TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Văn Thuận

Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 02 năm 2012

Số: 929/Deloitte- AUDHN-RE

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PVI

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “Công ty”), từ trang 48 đến trang 73. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 45, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Khúc Thị Lan Anh

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM



Trần Duy Cường

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0797/KTV

Ngày 20 tháng 02 năm 2012

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Bảng Cân Đối Kế Toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		2.419.615.837.352	4.650.480.740.255
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	88.394.874.149	561.484.924.260
1. Tiền	111		13.394.874.149	201.484.924.260
2. Các khoản tương đương tiền	112		75.000.000.000	360.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	1.909.683.563.297	3.172.614.166.694
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.019.244.806.144	3.205.446.950.907
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(109.561.242.847)	(32.832.784.213)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		418.001.594.057	862.874.924.061
1. Phải thu khách hàng	131	7	353.628.322.035	731.751.142.540
2. Trả trước cho người bán	132		64.959.720.527	92.590.931.857
3. Các khoản phải thu khác	135		16.384.051.969	60.737.841.161
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(16.970.500.474)	(22.204.991.497)
IV. Hàng tồn kho	140		736.710.000	85.800.000
1. Hàng tồn kho	141		736.710.000	85.800.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.799.095.849	53.420.925.240
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		122.986.364	10.140.863.892
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.674.904.250	826.004.535
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.001.205.235	42.454.056.813
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		3.304.998.414.385	1.802.621.718.182
I. Tài sản cố định	220		488.940.773.747	319.852.848.801
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	20.656.446.723	46.047.206.340
<i>Nguyên giá</i>	222		43.485.541.982	112.220.314.737
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(22.829.095.259)	(66.173.108.397)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	16.882.722.787	43.328.011.151
<i>Nguyên giá</i>	228		26.805.160.500	52.335.778.511
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(9.922.437.713)	(9.007.767.360)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	451.401.604.237	230.477.631.310
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.681.729.709.901	1.309.775.007.664
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	1.960.000.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	406.240.196.880	249.116.194.200
3. Đầu tư dài hạn khác	258	13	397.622.050.450	1.096.115.166.466
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	13	(82.132.537.429)	(35.456.353.002)
III. Tài sản dài hạn khác	260		134.327.930.737	172.993.861.717
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	134.327.930.737	164.081.910.726
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	8.911.950.991
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.724.614.251.737	6.453.102.458.437

Các thuyết minh từ trang 52 đến trang 73 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Bảng Cân Đối Kế Toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		327.355.877.073	2.845.714.660.847
I. Nợ ngắn hạn	310		327.098.246.323	2.843.441.552.997
1. Phải trả cho người bán	312	15	23.015.774.535	664.613.209.604
2. Người mua trả tiền trước	313		-	4.491.878.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	4.486.778.131	19.173.956.209
4. Phải trả người lao động	315		25.486.337.795	24.317.800.620
5. Chi phí phải trả	316		2.658.265.995	18.363.250
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	249.037.516.704	919.924.124.315
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	18	-	1.187.236.883.380
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		22.413.573.163	23.665.337.619
II. Nợ dài hạn	330		257.630.750	2.273.107.850
1. Phải trả dài hạn khác	333		-	16.000.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		257.630.750	2.257.107.850
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		5.397.258.374.664	3.607.387.797.590
I. Vốn chủ sở hữu	410		5.397.258.374.664	3.607.387.797.590
1. Vốn điều lệ	411	19	2.129.471.520.000	1.597.103.640.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	19	2.974.771.778.198	1.622.092.724.471
3. Cổ phiếu quỹ	414	19	(124.322.427.350)	(14.854.448.300)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(101.655.857)	(9.463.613.253)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		179.211.820.775	179.564.189.409
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	36.870.953.284
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	19	238.227.338.898	196.074.351.979
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5.724.614.251.737	6.453.102.458.437

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Đơn vị	31/12/2011	31/12/2010
1. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	VND	-	1.143.289.786.656
2. Phải thu đòi người thứ ba	VND	-	30.222.950.562
3. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	15.564,19	5.685.240,54
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	396,16	655,90



Bùi Văn Thuận

Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 02 năm 2012

Phùng Tuấn Kiên

Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 52 đến trang 73 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	3.293.514.649.050	3.985.254.404.809
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	259.999.491.954	315.623.408.923
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		3.033.515.157.096	3.669.630.995.886
4 Giá vốn hàng hóa và dịch vụ cung cấp	11	22	2.235.128.662.539	2.842.501.560.986
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		798.386.494.557	827.129.434.900
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	795.063.313.060	607.270.254.892
7 Chi phí tài chính	22	24	582.081.689.153	309.375.815.217
8 Chi phí bán hàng	24		495.107.380.079	609.552.460.752
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		169.041.127.639	180.128.807.059
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		347.219.610.746	335.342.606.764
11 Thu nhập khác	31		54.076.763.746	769.694.697
12 Chi phí khác	32		50.176.097	86.297.949
13 Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		54.026.587.649	683.396.748
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		401.246.198.395	336.026.003.512
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	73.943.862.379	39.386.184.598
16 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		327.302.336.016	296.639.818.914



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 02 năm 2012

Phùng Tuấn Kiên
Kế toán trưởng

Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Theo phương pháp trực tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	2.839.993.661.908	3.694.849.918.391
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(2.017.766.638.979)	(3.086.877.156.781)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(164.179.849.075)	(185.608.983.699)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(10.368.463.926)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản nợ Nhà nước	05	(295.904.283.044)	(292.487.185.166)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.726.201.866.030	3.376.008.894.407
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(1.575.452.833.515)	(3.623.876.675.411)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	512.891.923.325	(128.359.652.185)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(193.829.302.628)	(191.940.487.863)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	190.486.794.223	6.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(7.577.983.176.145)	(8.009.590.910.174)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.775.365.202.153	6.400.298.648.560
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(384.395.429.630)	(462.337.616.926)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	30.688.028.700	29.545.100.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	412.214.177.891	449.539.384.341
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.747.453.705.436)	(1.784.479.063.880)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	1.916.524.368.000	1.167.640.540.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	135.315.555.556
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(135.315.555.556)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(155.052.636.000)	(172.108.002.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.761.471.732.000	995.532.538.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(473.090.050.111)	(917.306.178.065)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	561.484.924.260	1.478.791.102.325
Tiền và tương đương cuối năm	70	88.394.874.149	561.484.924.260



Bùi Vạn Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 02 năm 2012

Phùng Tuấn Kiên
Kế toán trưởng

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN

1 | THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 42 GP/KDBH ngày 12 tháng 03 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Ngày 28 tháng 06 năm 2011, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp Giấy phép kinh doanh số 0100151161 sửa đổi bổ sung lần thứ 12, đổi tên thành Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “PVI”), sửa đổi và bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty mẹ, Công ty con theo giấy phép kinh doanh mới từ ngày 01 tháng 08 năm 2011.

Các công ty con và công ty liên kết

Công ty sở hữu 100% vốn của 2 công ty con:

- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (PVI Insurance)
- Công ty Tái Bảo hiểm PVI (PVI Re-insurance)

Công ty hiện có 6 công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (PV2)
- Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng Lượng Mới
- Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sa Pa (PVST)
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí (PVFC Capital)
- Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam (PVH)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Quốc tế Nhà Việt

Hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Hoạt động nắm giữ tài sản;
- Hoạt động dịch vụ tài chính;
- Hoạt động kinh doanh bảo hiểm (đến trước ngày 01 tháng 08 năm 2011).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 100 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 khi chưa tái cấu trúc: 1.343).

2 | CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Trong các kỳ kế toán trước, Công ty áp dụng Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2001 về chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm trong việc lập báo cáo tài chính. Từ ngày 01 tháng 08 năm 2011, Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty mẹ, Công ty con. Theo đó toàn bộ hoạt động kinh doanh bảo hiểm do công ty con

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN

thực hiện từ ngày này. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc áp dụng Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp trong việc lập báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần PVI (báo cáo tài chính của Công ty mẹ) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Do thay đổi nêu trên, số liệu so sánh đã được phân loại và trình bày lại một cách tương đối theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC cho mục đích tham khảo. Báo cáo tài chính này cần đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần PVI cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3 | ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 27.

4 | TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu, các khoản đầu tư và các tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và công nợ tài chính khác.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN

4 | TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu (tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2011
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là “phần mềm máy tính”). Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không khấu hao theo quy định hiện hành.

Chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa

Ngày 20 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 203/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định cho các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Theo đó, “Các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá theo phương pháp dòng tiền chiết khấu (DCF) thì phần chênh lệch tăng của vốn Nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị ghi trên sổ sách kế toán không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh nhưng thời gian không quá 10 năm. Thời điểm bắt đầu phân bổ vào chi phí là thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)”. Thông tư số 203/2009/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đã được Công ty áp dụng để ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị thực tế của phần vốn Nhà nước tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2005 (trước cổ phần hóa) với giá trị ghi sổ là 213.785.395.213 đồng sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ đều vào chi phí trong vòng 8 năm kể từ năm 2009.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty liên kết. Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty liên kết được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định về kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá trị ghi sổ ban đầu trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Đối với những chứng khoán niêm yết, Công ty trích lập dự phòng dựa trên giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối năm tài chính. Đối với những chứng khoán chưa niêm yết, Công ty trích lập dự phòng dựa trên báo giá trung bình của các công ty chứng khoán sau: Công ty Chứng khoán Sài Gòn Thương Tín, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, Báo Đầu tư Chứng khoán và trang web www.stocknews.vn.

Đối với các khoản đầu tư dài hạn khác, Công ty đã xác định dự phòng giảm giá dựa trên báo cáo tài chính gần nhất thu thập được của các công ty đó. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của các công ty này so với báo cáo tài chính gần nhất Công ty dùng để xác định dự phòng, gây ảnh hưởng trọng yếu đến khoản dự phòng Công ty đã trích lập. Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư cho các khoản đầu tư vào Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng có các khoản lỗ theo kế hoạch theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là công ty do Công ty Cổ phần PVI kiểm soát, việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản góp vốn vào Công ty con được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con. Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định về kế toán hiện hành.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN

4 | TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo VAS 10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn của VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm 2011 giảm 9.361.957.396 đồng (năm 2010 giảm 4.340.530.848 đồng) và khoản mục "chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 giảm 101.655.857 đồng so với áp dụng theo VAS 10.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo quy định tại Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 (đã được thay thế bởi Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008). Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm đầu kể từ khi bắt đầu hoạt động và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 02 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi thuế nêu trên từ năm 2011, Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thông thường là 25%.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các quỹ tại doanh nghiệp

Toàn bộ phần lợi nhuận được sử dụng để trả cổ tức cho các cổ đông, trích lập Quỹ đầu tư phát triển. Quỹ phúc lợi, khen thưởng, trích Quỹ thưởng ban điều hành. Tỷ lệ phân phối cho từng khoản mục trên sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, theo Điều lệ của Công ty, Hội đồng Quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa năm nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty không còn hoạt động kinh doanh bảo hiểm nữa do đã tách hoạt động này cho các công ty con. Tuy nhiên, báo cáo tài chính của Công ty vẫn bao gồm hoạt động kinh doanh bảo hiểm đến ngày 31 tháng 07 năm 2011. Vì vậy, các chính sách kế toán cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm được trình bày tóm tắt như sau:

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN

4 | TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Dự phòng nghiệp vụ

Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 03 năm 2007 của Chính phủ, Thông tư số 156/2007/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 12 năm 2007 (đã được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 04 năm 2009), theo đó:

Dự phòng phí

Dự phòng phí được trích lập theo phương pháp 1/24. Năm 2010, dự phòng phí được trích lập theo phương pháp tỷ lệ, việc áp dụng phương pháp 1/24 làm lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tăng khoảng 100 tỷ đồng so với áp dụng phương pháp tỷ lệ.

Dự phòng bồi thường

Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, bao gồm cả nghiệp vụ bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm. Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường theo từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm giữ lại đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo từ khách hàng. Đối với các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa nhận được thông báo từ khách hàng, Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường theo phương pháp thống kê dựa trên dữ liệu quá khứ.

Dự phòng dao động lớn

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 về Hợp đồng bảo hiểm, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày lập báo cáo tài chính (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Công ty thực hiện chính sách dự phòng theo quy định của Bộ Tài chính, dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 3% phí giữ lại trong năm.

Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đơn bảo hiểm được cấp cho khách hàng đã phát sinh trách nhiệm và theo kỳ thu phí nếu thời hạn của đơn bảo hiểm kéo dài nhiều năm.

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm

Doanh thu nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm được ghi nhận theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Công ty và được xác nhận bởi Công ty.

Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong năm.

Chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Công ty và Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong kỳ và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN

5 | TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	VND 31/12/2010
Tiền mặt	444.168.423	2.427.245.759
Tiền gửi ngân hàng	11.509.905.726	199.047.478.501
Tiền đang chuyển	1.440.800.000	10.200.000
Các khoản tương đương tiền	75.000.000.000	360.000.000.000
	88.394.874.149	561.484.924.260

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có thời gian đáo hạn từ 3 tháng trở xuống tại các tổ chức tín dụng trong nước.

6 | CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2011	VND 31/12/2010
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	135.590.622.326	117.552.583.807
Hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán (i)	278.826.000.000	463.402.200.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng (ii)	205.000.000.000	1.760.000.000.000
Hợp đồng ủy thác đầu tư ngắn hạn (iii)	100.000.000.000	50.000.000.000
Hợp đồng đầu tư chứng khoán niêm yết (iv)	339.828.183.818	814.492.167.100
Hợp đồng hợp tác đầu tư bất động sản (v)	910.000.000.000	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	50.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(109.561.242.847)	(32.832.784.213)
	1.909.683.563.297	3.172.614.166.694

- (i) Theo hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán, Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro liên quan đến chứng khoán. Công ty chịu rủi ro tín dụng đối với hợp đồng này và rủi ro tín dụng được đảm bảo bằng quyền thanh lý chứng khoán.
- (ii) Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng là tiền gửi có thời gian đáo hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng tại các tổ chức tín dụng trong nước.
- (iii) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư ngắn hạn, Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro sử dụng vốn ủy thác. Công ty chịu rủi ro tín dụng đối với hợp đồng này và rủi ro tín dụng không được đảm bảo bằng tài sản.
- (iv) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết, Công ty góp vốn với các đối tác để mua cổ phiếu niêm yết. Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro đầu tư Công ty có quyền phong tỏa và quyền bán cổ phiếu để thu hồi vốn khi giá thị trường của cổ phiếu suy giảm 30% so với giá tham chiếu trong Hợp đồng hợp tác đầu tư. Hợp đồng hợp tác đầu tư có thời hạn một năm và có thể thanh lý trước hạn. Đối với các hợp đồng quá hạn mà Công ty đánh giá khó có khả năng thu hồi, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ.
- (v) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư bất động sản, Công ty góp vốn với các đối tác để đầu tư vào các dự án kinh doanh bất động sản, Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro đầu tư. Công ty nhận thế chấp các tài sản là bất động sản đã được định giá bởi các công ty định giá. Trong trường hợp kết thúc hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ với Công ty, Công ty có toàn quyền bán tài sản thế chấp để thu hồi vốn góp. Hợp đồng hợp tác đầu tư có thời hạn một năm và có thể thanh lý trước hạn trong trường hợp có thỏa thuận của hai bên.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN

7 | PHẢI THU KHÁCH HÀNG

VND

	31/12/2011	31/12/2010
Phải thu về hoạt động bảo hiểm gốc	-	231.734.842.097
Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	-	67.761.307.870
Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	-	170.813.877.187
Phải thu về hoạt động tài chính	352.178.322.035	259.111.468.023
Các khoản phải thu khác của khách hàng	1.450.000.000	2.329.647.363
	353.628.322.035	731.751.142.540

8 | TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2011	28.559.715.265	31.427.344.132	52.233.255.340	112.220.314.737
Tăng trong năm	-	3.646.300.181	4.515.193.353	8.161.493.534
Thanh lý trong năm	-	522.886.000	1.978.411.092	2.501.297.092
Điều chuyển cho công ty con	8.734.490.802	25.543.072.860	40.027.649.214	74.305.212.876
Giảm khác trong năm	-	89.756.321	-	89.756.321
Tại ngày 31/12/2011	19.825.224.463	8.917.929.132	14.742.388.387	43.485.541.982
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2011	10.036.041.820	17.980.706.187	38.156.360.390	66.173.108.397
Trích khấu hao	1.126.026.238	3.341.457.700	5.785.181.109	10.252.665.047
Thanh lý trong năm	-	522.886.000	1.971.822.852	2.494.708.852
Điều chuyển cho công ty con	2.020.518.211	17.221.404.488	31.860.046.634	51.101.969.333
Tại ngày 31/12/2011	9.141.549.847	3.577.873.399	10.109.672.013	22.829.095.259
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2011	10.683.674.616	5.340.055.733	4.632.716.374	20.656.446.723
Tại ngày 31/12/2010	18.523.673.445	13.446.637.945	14.076.894.950	46.047.206.340

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN

9 | TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Quyền sử dụng đất	Đơn vị: VND Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	19.390.811.482	32.944.967.029	52.335.778.511
Tăng trong năm	7.132.500.000	7.354.899.900	14.487.399.900
Điều chuyển cho công ty con	7.438.199.482	20.226.965.440	27.665.164.922
Góp vốn	-	12.352.852.989	12.352.852.989
Tại ngày 31/12/2011	19.085.112.000	7.720.048.500	26.805.160.500
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	9.007.767.360	-	9.007.767.360
Trích khấu hao	5.703.187.399	-	5.703.187.399
Điều chuyển cho công ty con	4.788.517.046	-	4.788.517.046
Tại ngày 31/12/2011	9.922.437.713	-	9.922.437.713
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	9.162.674.287	7.720.048.500	16.882.722.787
Tại ngày 31/12/2010	10.383.044.122	32.944.967.029	43.328.011.151

10 | CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2011	VND 31/12/2010
Dự án tòa nhà văn phòng tại số 20 Phạm Ngọc Thạch, TP. HCM	-	15.585.745.534
Dự án tòa nhà văn phòng PVI tại Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	445.753.639.776	214.891.885.776
Khác	5.647.964.461	-
	451.401.604.237	230.477.631.310

11 | ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2011	VND 31/12/2010
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	1.500.000.000.000	-
Công ty Tái bảo hiểm PVI	460.000.000.000	-
	1.960.000.000.000	-

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN

11 | ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Hà Nội	100	100	Bảo hiểm
Công ty Tái bảo hiểm PVI	Hà Nội	100	100	Tái bảo hiểm

12 | ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	VND	
	31/12/2011	31/12/2010
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	162.433.335.115	141.919.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt	102.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng Lượng Mới	46.912.303.800	51.057.034.200
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sa Pa	45.894.557.965	46.139.960.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo hiểm Dầu khí	-	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí	24.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	25.000.000.000	-
	406.240.196.880	249.116.194.200

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (theo vốn thực góp) %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	TP. Hà Nội, Việt Nam	44,9	44,9	Kinh doanh bất động sản và đầu tư tài chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Việt	TP. Hà Nội, Việt Nam	34,0	34,0	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng Lượng Mới	TP. Hà Nội, Việt Nam	74,4	74,4	Phát triển truyền thông, tiếp thị đa phương tiện, tổ chức sự kiện
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sa Pa	TP. Lào Cai, Việt Nam	41,5	41,5	Dịch vụ du lịch, vận chuyển, khách sạn, ăn uống
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí	TP. Hà Nội, Việt Nam	24,0	24,0	Dịch vụ quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	Quảng Ngãi, Việt Nam	50,0	50,0	Điều hành hoạt động của Bệnh viện Dầu khí Dung Quất

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN

Công ty xác định dự phòng đầu tư vào công ty liên kết dựa trên báo cáo tài chính gần nhất thu thập được của các công ty này. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của các công ty này so với báo cáo tài chính gần nhất Công ty dùng để lập dự phòng gây ảnh hưởng trọng yếu đến khoản dự phòng Công ty đã trích lập.

13 | CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
Đầu tư cổ phiếu	16.039.750.450	429.532.866.466
Trái phiếu (*)	148.000.000.000	433.000.000.000
Ủy thác đầu tư (**)	233.582.300.000	233.582.300.000
Tổng đầu tư dài hạn khác	397.622.050.450	1.096.115.166.466
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(82.132.537.429)	(35.456.353.002)
	315.489.513.021	1.060.658.813.464

(*) Là trái phiếu Doanh nghiệp, có thời gian đáo hạn từ trên 1 năm đến 3 năm, lãi suất danh nghĩa từ 17,5% đến 17,9%.

(**) Là số dư ủy thác cho vay có chỉ định mục đích sử dụng qua các ngân hàng thương mại. Theo hợp đồng ủy thác cho vay, Công ty được hưởng lãi suất thả nổi và chịu rủi ro sử dụng vốn ủy thác. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, khoản cho vay này đã quá hạn trả một phần gốc và lãi. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng Công ty đã trích lập dự phòng cho số nợ quá hạn trên cơ sở thận trọng nhất.

14 | CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2011	Năm 2010
Tại ngày 01/01	164.081.910.726	191.337.824.029
Tăng	2.136.823.695	3.080.387.421
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(31.890.803.684)	(30.336.300.724)
Tại ngày 31/12	134.327.930.737	164.081.910.726

15 | PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2011	31/12/2010
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	-	134.716.031.674
Phải trả hoàn phí bảo hiểm	-	44.482.745.737
Phải trả về hoạt động nhận tái bảo hiểm	-	42.491.344.602
Phải trả về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	-	390.451.777.974
Các khoản phải trả khác cho người bán	23.015.774.535	52.471.309.617
	23.015.774.535	664.613.209.604

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN

16 | THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị: VND

	31/12/2010	Phát sinh trong năm			31/12/2011
		Số phải nộp	Bàn giao cho công ty con	Số đã nộp	
I. Thuế	16.609.715.219	310.907.793.425		296.760.093.416	4.486.778.131
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.503.611.337	219.898.394.109	27.243.338.114	196.111.863.319	46.804.013
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.362.512.053	73.943.862.379	-	82.854.918.820	1.451.455.612
Tiền thuê đất và thuế nhà đất	-	341.443.000	-	341.443.000	-
Thuế môn bài	-	34.000.000	-	34.000.000	-
Thuế, phí phải nộp khác	5.307.832.819	16.690.093.937	1.591.539.973	17.417.868.277	2.988.518.506
	19.173.956.209	310.907.793.425	28.834.878.087	296.760.093.416	4.486.778.131

17 | CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

VND

	31/12/2011	31/12/2010
Ngân hàng TMCP Đại Dương	-	840.000.000.000
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	142.415.165.558	43.114.680.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	50.021.250.002	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	45.227.388.888	-
Phải trả khác	11.373.712.256	36.809.444.315
	249.037.516.704	919.924.124.315

18 | DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	31/12/2011	31/12/2010
Dự phòng phí	-	856.099.323.880
Dự phòng bồi thường	-	263.105.850.886
Dự phòng dao động lớn	-	68.031.708.614
	-	1.187.236.883.380

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN

19 | MỘT SỐ KHOẢN MỤC CHÍNH CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

ĐVT: VND

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Tại ngày 01/01/2011	1.597.103.640.000	1.622.092.724.471	(14.854.448.300)	196.074.351.979
Vốn góp (a)	532.367.880.000	1.384.156.488.000	-	-
Mua cổ phiếu quỹ trong năm (b)	-	-	(109.467.979.050)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	327.302.336.016
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (c)	-	-	-	(10.263.358.427)
Điều chỉnh giảm trích quỹ đầu tư phát triển năm 2010	-	-	-	352.368.634
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (d)	-	-	-	(38.575.793.304)
Chia cổ tức cho cổ đông (d)	-	-	-	(236.662.566.000)
Chi trả từ các quỹ	-	(31.477.434.273)	-	-
Tại ngày 31/12/2011	2.129.471.520.000	2.974.771.778.198	(124.322.427.350)	238.227.338.898

- (a) Tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2011 số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 04 năm 2011. Theo đó, Công ty đã phát hành cổ phiếu cho HDI Gerling Industrie Versicherung AG, số tiền tương ứng với 53.236.788 cổ phần (tương đương 25% vốn điều lệ sau khi tăng) là 532.367.880.000 VND đã được ghi tăng vốn điều lệ và 1.384.156.488.000 VND là chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá của 53.236.788 cổ phần.
- (b) Trong năm, Công ty đã thực hiện mua lại 6.262.800 cổ phần để làm cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.
- (c) Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp với tỷ lệ là 5% theo quy định tại Điều 30. Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 03 năm 2007. Công ty trích Quỹ dự trữ bắt buộc đến ngày 31 tháng 07 năm 2011 (thời điểm tái cấu trúc) và đã chuyển quỹ này cho Tổng Công ty Bảo hiểm PVI.
- (d) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và chia cổ tức cho Cổ đông được thực hiện không quá số tối đa được trích theo quy định tại Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 04 năm 2011 về phân phối lợi nhuận năm 2010 và tạm ứng 7% cổ tức năm 2011. Việc phân phối lợi nhuận năm 2011 thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông và sẽ được quyết định trong Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012.

Chi tiết vốn điều lệ

	Vốn góp tại ngày 31/12/2011		Vốn góp tại ngày 31/12/2010	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	831.497.400.000	39,05%	831.497.400.000	52,06%
HDI-Gerling Industrie Versicherung AG (Thuộc tập đoàn Talanx)	532.367.880.000	25,00%	-	0,00%
Công ty Funderburk Lighthouse Limited	220.925.000.000	10,37%	202.075.000.000	12,65%
Cổ đông khác	544.681.240.000	25,58%	563.531.240.000	35,29%
	2.129.471.520.000	100%	1.597.103.640.000	100%

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN

20 | DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	VND Năm 2010
Thu phí bảo hiểm gốc	2.864.586.901.123	3.512.186.405.060
Thu phí nhận tái bảo hiểm	293.223.938.610	316.391.210.913
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	126.791.123.151	152.319.572.289
Thu khác từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	6.862.686.166	4.357.216.547
Doanh thu kinh doanh bảo hiểm	3.291.464.649.050	3.985.254.404.809
Doanh thu kinh doanh công nghệ thông tin	2.050.000.000	-
	3.293.514.649.050	3.985.254.404.809

21 | CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2011	VND Năm 2010
Hoàn phí bảo hiểm	62.964.750.523	80.237.240.794
Tăng dự phòng phí	195.240.863.973	233.298.490.748
Các khoản giảm trừ khác	1.793.877.458	2.087.677.381
	259.999.491.954	315.623.408.923

22 | GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2011	VND Năm 2010
Phí nhượng tái bảo hiểm	1.667.053.307.353	2.011.362.687.257
Chi bồi thường bảo hiểm gốc	464.662.473.943	1.150.555.967.327
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	84.384.485.940	110.208.484.758
Các khoản giảm trừ:	(146.114.820.232)	(653.730.168.309)
<i>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</i>	<i>(140.921.124.556)</i>	<i>(651.339.332.581)</i>
<i>Thu đòi người thứ ba bồi hoàn</i>	<i>(39.160.600)</i>	<i>(1.524.064.500)</i>
<i>Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%</i>	<i>(5.154.535.076)</i>	<i>(866.771.228)</i>
Chi bồi thường từ quỹ dự phòng dao động lớn	(28.115.039.247)	(49.115.488.087)
Tăng dự phòng bồi thường	4.780.770.024	61.206.333.331
Số trích dự phòng dao động lớn trong năm	42.833.783.456	52.109.330.638
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	143.828.701.302	159.904.414.071
<i>Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc</i>	<i>38.276.858.975</i>	<i>59.780.723.655</i>
<i>Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm</i>	<i>86.323.079.435</i>	<i>57.631.684.727</i>
<i>Chi khác hoạt động nhượng tái bảo hiểm</i>	<i>19.228.762.892</i>	<i>42.492.005.689</i>
Giá vốn kinh doanh bảo hiểm	2.233.313.662.539	2.842.501.560.986
Giá vốn kinh doanh công nghệ thông tin	1.815.000.000	-
	2.235.128.662.539	2.842.501.560.986

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN

23 | DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm 2011	Năm 2010
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	242.835.385.644	210.995.874.068
Lãi đầu tư trái phiếu	43.722.547.182	26.483.292.588
Lãi kinh doanh cổ phiếu	5.505.863.959	31.042.308.023
Lãi kinh doanh ủy thác đầu tư	25.777.069.443	86.888.261.379
Cổ tức, lợi nhuận được chia	105.869.649.667	20.032.134.434
Lãi chênh lệch tỷ giá	27.073.534.273	12.976.871.776
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh Repo	55.739.065.227	51.478.771.195
Doanh thu từ bán bất động sản đầu tư	190.374.703.314	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	98.165.494.351	167.372.741.429
	795.063.313.060	607.270.254.892

24 | CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm 2011	Năm 2010
Chi phí hoạt động kinh doanh cổ phiếu	1.928.890.465	24.324.942.876
Lỗ chênh lệch tỷ giá	43.053.899.314	43.291.301.459
Chi phí trích lập dự phòng giảm giá đầu tư	192.816.597.122	40.431.088.625
Giá vốn bất động sản đầu tư	176.800.000.000	-
Chi phí tài chính khác	167.482.302.252	201.328.482.257
	582.081.689.153	309.375.815.217

25 | CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	VND	
	31/12/2011	31/12/2010
Lợi nhuận trước thuế	401.246.198.395	336.026.003.512
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(105.869.649.567)	(21.837.068.443)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(105.869.649.667)	(20.032.134.434)
Lãi công trái giáo dục	-	(1.804.934.009)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	398.900.790	900.541.712
Thù lao Hội đồng Quản trị	132.000.000	252.000.000
Khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng	206.900.790	117.874.512
Chi phí không được khấu trừ khác	60.000.000	530.667.200
Thu nhập chịu thuế	295.775.449.518	315.089.476.781
Thuế suất (*)	25,0%	12,5%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	73.943.862.379	39.386.184.598

(*) Như được trình bày tại Thuyết minh số 4, năm 2010 là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Từ năm 2011, Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thông thường là 25%.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN

26 | CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có một số các cam kết trọng yếu như sau:

- Hợp đồng mua văn phòng tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội với tổng trị giá tạm tính tương đương với 54.954.000 USD. Giá trị đã phát sinh liên quan đến hợp đồng này đạt 40% giá trị hợp đồng.
- Hợp đồng cam kết mua 15 căn hộ tại khu du lịch Olalani tại đường Sơn Trà - Điện Ngọc, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng với số tiền tương đương 5.058.460 USD. Giá trị đã phát sinh liên quan đến hợp đồng này đạt 60% giá trị hợp đồng.

27 | CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	88.394.874.149	561.484.924.260
Phải thu khách hàng và phải thu khác	353.041.873.530	770.283.992.204
Đầu tư ngắn hạn	1.909.683.563.297	3.172.614.166.694
Đầu tư dài hạn	326.543.304.137	1.072.088.194.160
Tài sản tài chính khác	-	21.056.918.596
Tổng cộng	2.677.663.615.113	5.597.528.195.914
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	272.053.291.239	1.584.537.333.919
Chi phí phải trả	2.658.265.995	263.140.214.136
Tổng cộng	274.711.557.234	1.847.677.548.055

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản (Tương đương VND)		Công nợ (Tương đương VND)	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
Đô la Mỹ (USD)	324.170.949	328.984.432.792	19.474.180.000	339.633.125.519
Euro (EUR)	10.713.913	3.750.915.934	-	11.931.102.091
Bảng Anh (GBP)	-	1.043.223.447	-	207.166.470
Yên Nhật (JPY)	-	30.308.713	-	-
Đô la Singapor (SGD)	-	11.317.006	-	-

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các khoản ủy thác đầu tư và hợp tác đầu tư. Rủi ro tín dụng đã được Ban Tổng Giám đốc đánh giá một cách cẩn trọng như trình bày tại Thuyết minh số 6 và số 13.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN

27 | CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	VND	
	31/12/2011	31/12/2010
Dưới 1 năm		
Phải trả người bán và phải trả khác	272.053.291.239	1.584.537.333.919
Chi phí phải trả	2.658.265.995	263.140.214.136

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	VND	
	31/12/2011	31/12/2010
Dưới 1 năm		
Tiền và các khoản tương đương tiền	88.394.874.149	561.484.924.260
Phải thu khách hàng và phải thu khác	353.041.873.530	770.283.992.204
Đầu tư ngắn hạn	1.909.683.563.297	3.172.614.166.694
Đầu tư dài hạn	3.600.000.000	850.139.848.576
Tài sản tài chính khác	-	18.144.967.605
Từ 1- 5 năm		
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	-	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn	322.943.304.137	221.948.345.584
Tài sản tài chính khác	-	2.911.950.991
Tổng cộng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	88.394.874.149	561.484.924.260
Phải thu khách hàng và phải thu khác	353.041.873.530	770.283.992.204
Đầu tư ngắn hạn	1.909.683.563.297	3.172.614.166.694
Đầu tư dài hạn	326.543.304.137	1.072.088.194.160
Tài sản tài chính khác	-	21.056.918.596

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN

28 | SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan trong năm như sau:

	VND	
	Năm 2011	Năm 2010
Chi trả cổ tức		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	43.114.680.000	92.388.600.000
Nhận ủy thác quản lý vốn		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
<i>Nhận ủy thác quản lý vốn</i>	840.000.000.000	1.615.000.000.000
<i>Trả gốc ủy thác quản lý vốn</i>	840.000.000.000	1.615.000.000.000
<i>Trả lãi ủy thác quản lý vốn</i>	109.713.333.335	187.905.146.110
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI		
<i>Nhận ủy thác quản lý vốn</i>	480.000.000.000	-
<i>Trả gốc ủy thác quản lý vốn</i>	480.000.000.000	-
<i>Lãi ủy thác quản lý vốn</i>	1.987.222.222	-
Chi phí quản lý		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.247.460.582	847.386.828
Cổ tức được chia		
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	2.782.080.000	8.172.360.000
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sapa	440.871.626	-
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	77.465.248.239	-
Công ty Tái Bảo hiểm PVI	8.105.948.493	-
Ủy thác đầu tư		
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2		
<i>Ủy thác đầu tư</i>	150.000.000.000	50.000.000.000
<i>Thu hồi gốc ủy thác đầu tư</i>	125.000.000.000	-
Thu nhập từ lãi ủy thác đầu tư		
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	23.482.624.998	20.086.335.754
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	21.250.002	-
Chuyển nhượng bất động sản đầu tư		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt		
<i>Doanh thu bất động sản đầu tư</i>	190.374.703.314	-
<i>Giá vốn bất động sản đầu tư</i>	176.800.000.000	-
Doanh thu từ việc cho thuê văn phòng		
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	1.133.914.350	734.797.350
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	1.418.091.054	-
Công ty Tái Bảo hiểm PVI	409.064.727	-
Bán phần mềm máy tính		
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI		
<i>Doanh thu bán phần mềm</i>	1.400.000.000	-
<i>Giá vốn bán phần mềm</i>	1.235.000.000	-
Công ty Tái Bảo hiểm PVI		
<i>Doanh thu bán phần mềm</i>	650.000.000	-
<i>Giá vốn bán phần mềm</i>	580.000.000	-

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN

28 | SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	Năm 2011	VND Năm 2010
Nhận chuyển nhượng cổ phần		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	24.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	-	26.000.000.000
Chuyển nhượng cổ phần		
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	-	66.000.000.000
Chi phí dịch vụ		
Công ty Thương mại và Truyền thông Năng lượng mới	4.415.120.989	3.128.586.626
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	-	2.231.589.505

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2011	VND 31/12/2010
Đầu tư góp vốn vào công ty con		
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	1.500.000.000.000	-
Công ty Tái Bảo hiểm PVI	460.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	162.433.335.115	141.919.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt	102.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng lượng mới	46.912.303.800	51.057.034.200
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sa Pa	45.894.557.965	46.139.960.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo hiểm Dầu khí	-	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí	24.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	25.000.000.000	-
Số dư gốc ủy thác đầu tư		
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	75.000.000.000	50.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	50.021.250.002	-
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	24.305.531.826	3.500.337.500
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	51.365.407.701	-
Công ty Tái Bảo hiểm PVI	9.205.919.691	-
Các khoản phải trả		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	142.415.165.558	43.114.680.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	45.227.388.888	-
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	6.230.761.597	-
Công ty Tái Bảo hiểm PVI	2.400.000.000	-

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm là 4.118.939.869 đồng (năm 2010 là 5.717.846.486 đồng).

29 | SỐ LIỆU SO SÁNH

Như được trình bày tại Thuyết minh số 2, số liệu so sánh đã được phân loại và trình bày lại từ báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán. Tuy nhiên, việc trình bày số liệu so sánh chỉ mang tính chất tham khảo do Công ty có thay đổi về hoạt động kinh doanh: Từ ngày 01 tháng 08 năm 2011, Công ty không còn trực tiếp kinh doanh bảo hiểm vì đã chuyển giao hoạt động này cho Tổng Công ty Bảo hiểm PVI, do đó doanh thu, chi phí của hoạt động kinh doanh bảo hiểm trên báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty chỉ phát sinh trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 07 năm 2011. Đồng thời, bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 không thể hiện các chỉ tiêu liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm.



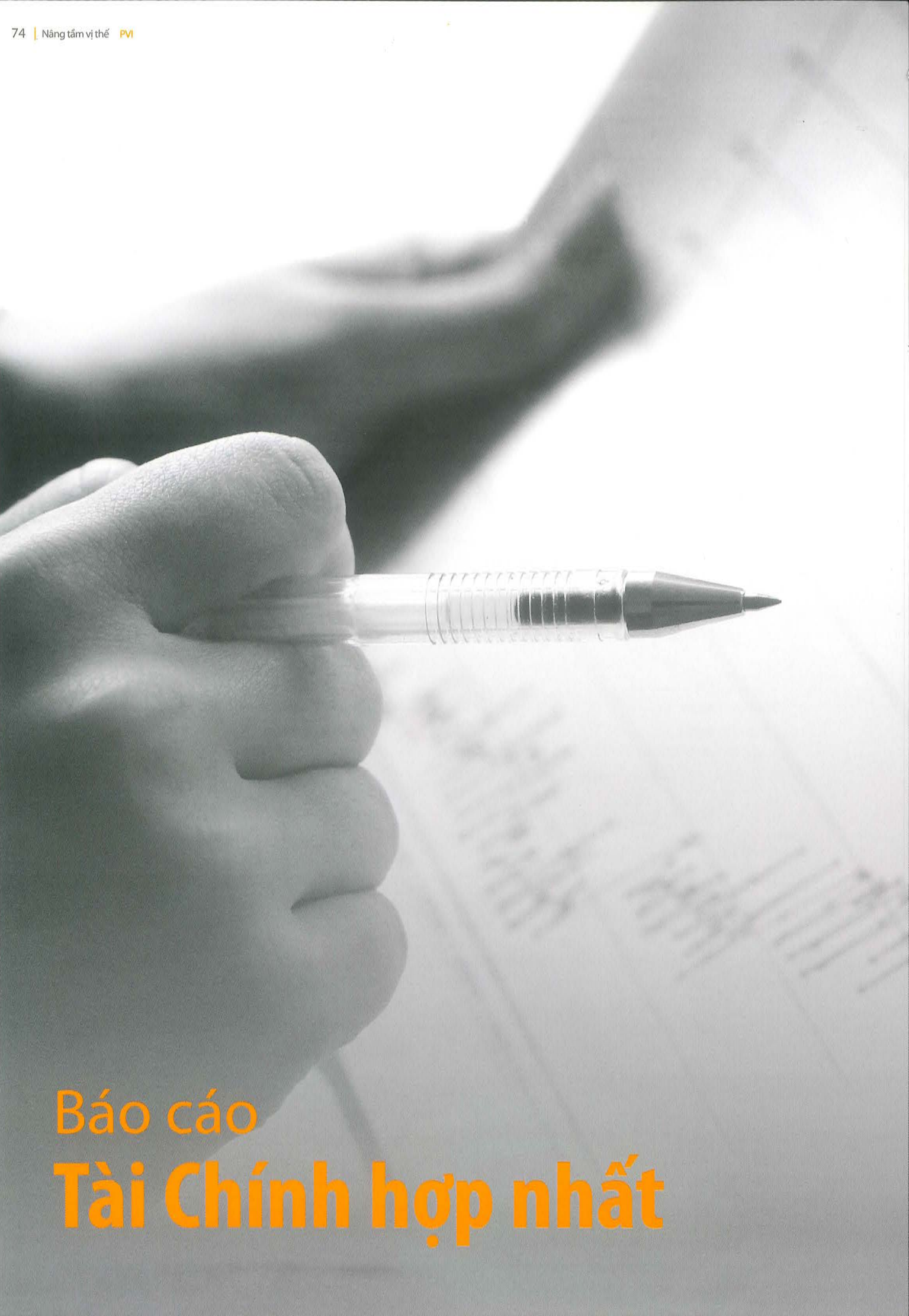
Bùi Văn Thuận

Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 02 năm 2012

Phùng Tuấn Kiên

Kế toán trưởng



Báo cáo

Tài Chính hợp nhất

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1 | HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Tôn Thiện Việt	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Vạn Thuận	Ủy viên
Ông Trần Văn Kim	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2011)
Ông Nguyễn Khuyến Nguồn	Ủy viên
Ông Trần Văn Quý	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2011)
Ông Patrick Claude Franklin Choffel	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2011)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Vạn Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Khắc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Quốc Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Đức	Phó Tổng Giám đốc

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

2 | TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Vạn Thuận

Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 02 năm 2012

Số: 930/Deloitte-AUDHN-RE

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PVI

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 78 đến trang 103. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 75, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Khúc Thị Lan Anh

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 02 năm 2012

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Duy Cường

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0797/KTV

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		6.060.882.350.961	4.650.480.740.255
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	686.565.126.049	561.484.924.260
1. Tiền	111		272.565.126.049	201.484.924.260
2. Các khoản tương đương tiền	112		414.000.000.000	360.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	4.182.683.563.297	3.172.614.166.694
1. Đầu tư ngắn hạn	121		4.292.244.806.144	3.205.446.950.907
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(109.561.242.847)	(32.832.784.213)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.111.821.008.652	862.874.924.061
1. Phải thu khách hàng	131	7	1.034.158.831.183	731.751.142.540
2. Trả trước cho người bán	132		67.559.720.527	92.590.931.857
3. Các khoản phải thu khác	135		55.774.538.400	60.737.841.161
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(45.672.081.458)	(22.204.991.497)
IV. Hàng tồn kho	140		1.023.689.350	85.800.000
1. Hàng tồn kho	141		1.023.689.350	85.800.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		78.788.963.613	53.420.925.240
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.548.820.316	10.140.863.892
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.464.493.851	826.004.535
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	65.775.649.446	42.454.056.813
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		2.133.987.828.873	1.802.621.718.182
I. Tài sản cố định	220		540.205.128.532	319.852.848.801
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	47.541.099.023	46.047.206.340
<i>Nguyên giá</i>	222		123.855.970.314	112.220.314.737
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(76.314.871.291)	(66.173.108.397)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	41.262.425.272	43.328.011.151
<i>Nguyên giá</i>	228		56.520.325.422	52.335.778.511
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(15.257.900.150)	(9.007.767.360)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	451.401.604.237	230.477.631.310
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.443.645.584.415	1.309.775.007.664
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	421.007.557.671	249.116.194.200
2. Đầu tư dài hạn khác	258	13	1.145.091.899.026	1.096.115.166.466
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	13	(122.453.872.282)	(35.456.353.002)
III. Tài sản dài hạn khác	260		150.137.115.926	172.993.861.717
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	135.345.435.486	164.081.910.726
2. Tài sản dài hạn khác	268		14.791.680.440	8.911.950.991
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		8.194.870.179.834	6.453.102.458.437

Các thuyết minh từ trang 82 đến trang 103 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2.733.521.213.907	2.845.714.660.847
I. Nợ ngắn hạn	310		2.731.262.122.357	2.843.441.552.997
1. Phải trả cho người bán	312	15	945.537.876.105	664.613.209.604
2. Người mua trả tiền trước	313		20.540.927.887	4.491.878.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	44.006.838.543	19.173.956.209
4. Phải trả người lao động	315		46.533.322.682	24.317.800.620
5. Chi phí phải trả	316		2.689.572.627	18.363.250
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	260.685.723.360	919.924.124.315
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	18	1.383.570.860.048	1.187.236.883.380
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		27.697.001.105	23.665.337.619
II. Nợ dài hạn	330		2.259.091.550	2.273.107.850
1. Phải trả dài hạn khác	333		13.000.000	16.000.000
2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		2.246.091.550	2.257.107.850
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		5.461.348.965.927	3.607.387.797.590
I. Vốn chủ sở hữu	410		5.461.348.965.927	3.607.387.797.590
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	19	2.129.471.520.000	1.597.103.640.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	19	2.974.771.778.198	1.622.092.724.471
3. Cổ phiếu quỹ	414	19	(124.322.427.350)	(14.854.448.300)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(3.470.275.408)	(9.463.613.253)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		179.211.820.775	179.564.189.409
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		51.638.058.907	36.870.953.284
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	19	254.048.490.805	196.074.351.979
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		8.194.870.179.834	6.453.102.458.437

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Đơn vị	31/12/2011	31/12/2010
1. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	VND	1.214.226.405.393	1.143.289.786.656
2. Phải thu đòi người thứ ba	VND	34.886.486.635	30.222.950.562
3. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	10.484.305,37	5.685.240,54
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	42.426,50	655,90



Bùi Vạn Thuận

Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 02 năm 2012

Phùng Tuấn Kiên

Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 82 đến trang 103 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	4.898.550.688.346	3.985.254.404.809
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	147.407.622.625	315.623.408.923
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		4.751.143.065.721	3.669.630.995.886
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	3.586.942.307.393	2.842.501.560.986
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.164.200.758.328	827.129.434.900
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	849.742.957.109	607.270.254.892
7. Chi phí tài chính	22	24	580.178.717.971	309.375.815.217
8. Chi phí bán hàng	24		787.068.015.209	609.552.460.752
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		237.867.695.525	180.128.807.059
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		408.829.286.732	335.342.606.764
11. Thu nhập khác	31		54.451.327.371	769.694.697
12. Chi phí khác	32		50.190.644	86.297.949
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		54.401.136.727	683.396.748
14. Phần lợi nhuận thuần trong Công ty liên doanh, liên kết	45		4.767.360.791	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		467.997.784.250	336.026.003.512
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	120.370.549.130	39.386.184.598
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		347.627.235.120	296.639.818.914
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	2.066	2.189



Bùi Văn Thuận
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 02 năm 2012

Phùng Tuấn Kiên
Kế toán trưởng

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (theo phương pháp trực tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	4.358.771.035.654	3.694.849.918.391
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(3.421.005.856.505)	(3.086.877.156.781)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(207.394.780.342)	(185.608.983.699)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(10.368.463.926)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản nợ nhà nước	05	(421.113.147.007)	(292.487.185.166)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.081.978.627.084	3.376.008.894.407
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.819.895.990.616)	(3.623.876.675.411)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	571.339.888.268	(128.359.652.185)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(203.057.932.799)	(191.940.487.863)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	190.487.430.587	6.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.429.927.095.804)	(8.009.590.910.174)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	7.281.665.202.153	6.400.298.648.560
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(384.395.429.630)	(462.337.616.926)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	30.688.028.700	29.545.100.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	416.276.357.364	449.539.384.341
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.098.263.439.429)	(1.784.479.063.880)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	1.916.524.368.000	1.167.640.540.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(109.467.979.050)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	135.315.555.556
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(135.315.555.556)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(155.052.636.000)	(172.108.002.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.652.003.752.950	995.532.538.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	125.080.201.789	(917.306.178.065)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	561.484.924.260	1.478.791.102.325
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	686.565.126.049	561.484.924.260



Bùi Vạn Thuận

Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 02 năm 2012

Phùng Tuấn Kiên

Kế toán trưởng

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN/HN

1 | THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 42 GP/KDBH ngày 12 tháng 03 năm 2007 của Bộ Tài chính. Ngày 28 tháng 06 năm 2011, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy phép kinh doanh số 0100151161 sửa đổi bổ sung lần thứ 12, đổi tên thành Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “PVI”), sửa đổi và bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty mẹ, Công ty con theo giấy phép kinh doanh mới từ ngày 01 tháng 08 năm 2011.

Các công ty con và công ty liên kết

Công ty sở hữu 2 Công ty con:

- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (PVI Insurance)
- Công ty Tái Bảo hiểm PVI (PVI Re-insurance)

Thông tin chi tiết về Công ty con như sau:

Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	154 Nguyễn Thái Học, quận Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm	1.500.000.000.000	100%
Công ty Tái Bảo hiểm PVI	154 Nguyễn Thái Học, quận Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh tái bảo hiểm	460.000.000.000	100%

Công ty hiện có 7 công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Đầu tư PV2 (PV2)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt
- Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng lượng mới
- Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sa Pa (PVST)
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo hiểm Dầu khí (PVI Services)
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí (PVFC Capital)
- Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam (PVH)

Hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Hoạt động nắm giữ tài sản;
- Hoạt động dịch vụ tài chính;
- Hoạt động kinh doanh bảo hiểm (đến trước ngày 01/08/2011).

Tổng số nhân viên của Công ty (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 1.450 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1.343).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN/HN

2 | CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3 | ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 28.

4 | TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4 | TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi ích của Cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của Cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của Cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của Cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hiện tại Công ty nắm giữ 100% phần vốn tại các Công ty con, vì vậy không phát sinh lợi ích của Cổ đông thiểu số.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của Cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của Cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Hiện tại Công ty nắm giữ 100% phần vốn tại các Công ty con, vì vậy không phát sinh lợi ích của Cổ đông thiểu số.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu, các khoản đầu tư và các tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2011
Nhà cửa, vật kiến trúc	Số năm
Phương tiện vận tải	25
Thiết bị văn phòng	6
	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là “phần mềm máy tính”). Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không khấu hao theo quy định hiện hành.

Chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa

Ngày 20 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 203/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định cho các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Theo đó, “Các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá theo phương pháp dòng tiền chiết khấu (DCF) thì phần chênh lệch tăng của vốn Nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị ghi trên sổ sách kế toán không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh nhưng thời gian không quá 10 năm. Thời điểm bắt đầu phân bổ vào chi phí là thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)”. Thông tư số 203/2009/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đã được Công ty áp dụng để ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị thực tế của phần vốn Nhà nước tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2005 (trước cổ phần hóa) với giá trị ghi sổ là 213.785.395.213 đồng sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ đều vào chi phí trong vòng 8 năm kể từ năm 2009.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4 | TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá trị ghi sổ ban đầu trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Đối với những chứng khoán niêm yết, Công ty trích lập dự phòng dựa trên giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối năm tài chính. Đối với những chứng khoán chưa niêm yết, Công ty trích lập dự phòng dựa trên báo giá trung bình của các công ty chứng khoán sau: Công ty Chứng khoán Sài Gòn Thương Tín, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, Báo Đầu tư Chứng khoán và trang web www.stocknews.vn.

Đối với các khoản đầu tư dài hạn khác, Công ty đã xác định dự phòng giảm giá dựa trên báo cáo tài chính gần nhất thu thập được của các công ty đó. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của các công ty này so với báo cáo tài chính gần nhất Công ty dùng để xác định dự phòng, gây ảnh hưởng trọng yếu đến khoản dự phòng Công ty đã trích lập. Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư cho các khoản đầu tư vào công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng có các khoản lỗ theo kế hoạch theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn của VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm 2011 giảm 5.993.337.845 đồng (năm 2010 giảm 4.340.530.848 đồng) và khoản mục "chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 giảm 3.470.275.408 đồng so với áp dụng theo VAS10.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo quy định tại Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 (đã được thay thế bởi Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008), Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm đầu kể từ khi bắt đầu hoạt động và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 2 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi thuế nêu trên, từ năm 2011, Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thông thường là 25%.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4 | TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các quỹ tại doanh nghiệp

Toàn bộ phần lợi nhuận được sử dụng để trả cổ tức cho các cổ đông, trích lập Quỹ phúc lợi, khen thưởng, Quỹ Đầu tư phát triển; trích Quỹ thưởng ban điều hành. Tỷ lệ phân phối cho từng khoản mục trên sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, theo Điều lệ của Công ty, Hội đồng Quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa năm nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Dự phòng nghiệp vụ

Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 03 năm 2007, Thông tư số 156/2007/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 12 năm 2007 (đã được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 04 năm 2009), theo đó:

Dự phòng phí: Dự phòng phí được trích lập theo phương pháp 1/24. Năm 2010, dự phòng phí được trích lập theo phương pháp tỷ lệ, việc áp dụng phương pháp 1/24 làm lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tăng khoảng 100 tỷ đồng so với áp dụng phương pháp tỷ lệ.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo từ khách hàng, bao gồm cả nghiệp vụ bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm giữ lại đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo. Các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo từ khách hàng, dự phòng bồi thường được trích lập dựa trên thống kê dữ liệu quá khứ.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN/HN

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Dự phòng dao động lớn: Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 về Hợp đồng bảo hiểm, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Công ty thực hiện chính sách dự phòng theo quy định của Bộ Tài chính, dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 3% phí giữ lại trong năm.

Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đơn bảo hiểm được cấp cho khách hàng đã phát sinh trách nhiệm và theo kỳ thu phí nếu thời hạn của đơn bảo hiểm kéo dài nhiều năm.

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Công ty và được xác nhận bởi Công ty.

Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong năm.

Chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Công ty và Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

5 | TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	Đơn vị: VND 31/12/2010
Tiền mặt	1.535.213.278	2.427.245.759
Tiền gửi ngân hàng	269.564.764.371	199.047.478.501
Tiền đang chuyển	1.465.148.400	10.200.000
Các khoản tương đương tiền	414.000.000.000	360.000.000.000
	686.565.126.049	561.484.924.260

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có thời gian đáo hạn từ 3 tháng trở xuống tại các tổ chức tín dụng trong nước.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN/HN

6 | CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị: VND

	31/12/2011	31/12/2010
Chứng khoán ngắn hạn	135.590.622.326	117.552.583.807
Hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán (i)	278.826.000.000	463.402.200.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng (ii)	2.478.000.000.000	1.760.000.000.000
Hợp đồng ủy thác đầu tư ngắn hạn (iii)	100.000.000.000	50.000.000.000
Hợp đồng đầu tư chứng khoán niêm yết (iv)	339.828.183.818	814.492.167.100
Hợp đồng hợp tác đầu tư bất động sản (v)	910.000.000.000	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	50.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(109.561.242.847)	(32.832.784.213)
	4.182.683.563.297	3.172.614.166.694

- (i) Theo hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán, Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro liên quan đến chứng khoán. Công ty chịu rủi ro tín dụng đối với hợp đồng này và rủi ro tín dụng được đảm bảo bằng quyền thanh lý chứng khoán.
- (ii) Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng là tiền gửi có thời gian đáo hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng tại các tổ chức tín dụng trong nước.
- (iii) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư ngắn hạn, Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro sử dụng vốn ủy thác. Công ty chịu rủi ro tín dụng đối với hợp đồng này và rủi ro tín dụng không được đảm bảo bằng tài sản.
- (iv) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết, Công ty góp vốn với các đối tác để mua cổ phiếu niêm yết. Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro đầu tư Công ty có quyền phong tỏa và quyền bán cổ phiếu để thu hồi vốn khi giá thị trường của cổ phiếu suy giảm 30% so với giá tham chiếu trong Hợp đồng hợp tác đầu tư. Hợp đồng hợp tác đầu tư có thời hạn một năm và có thể thanh lý trước hạn. Đối với các hợp đồng quá hạn mà Công ty đánh giá khó có khả năng thu hồi, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ.
- (v) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư bất động sản, Công ty góp vốn với các đối tác để đầu tư vào các dự án kinh doanh bất động sản, Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro đầu tư. Công ty nhận thế chấp các tài sản là bất động sản đã được định giá bởi các công ty định giá. Trong trường hợp kết thúc hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ với Công ty, Công ty có toàn quyền bán tài sản thế chấp để thu hồi vốn góp. Hợp đồng hợp tác đầu tư có thời hạn một năm và có thể thanh lý trước hạn trong trường hợp có thỏa thuận của hai bên.

7 | PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Đơn vị: VND

	31/12/2011	31/12/2010
Phải thu về hoạt động bảo hiểm gốc	245.238.501.137	231.734.842.097
Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	115.612.810.391	67.761.307.870
Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	282.059.831.517	170.813.877.187
Phải thu về hoạt động tài chính	388.409.380.959	259.111.468.023
Các khoản phải thu khác của khách hàng	2.838.307.179	2.329.647.363
	1.034.158.831.183	731.751.142.540

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN/HN

8 | TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	Đơn vị: VND 31/12/2010
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	23.280.512.426	24.309.089.208
Thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	42.495.137.020	18.144.967.605
	65.775.649.446	42.454.056.813

9 | TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Đơn vị: VND Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2011	28.559.715.265	31.427.344.132	52.233.255.340	112.220.314.737
Tăng trong năm	-	8.364.212.909	7.576.048.827	15.940.261.736
Thanh lý trong năm	-	1.633.734.182	2.556.955.937	4.190.690.119
Giảm khác trong năm	-	89.756.321	24.159.719	113.916.040
Tại ngày 31/12/2011	28.559.715.265	38.068.066.538	57.228.188.511	123.855.970.314
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2011	10.036.041.820	17.980.706.187	38.156.360.390	66.173.108.397
Trích khấu hao	1.269.533.258	4.948.264.560	8.686.687.547	14.904.485.365
Giảm trong năm	-	1.866.512.386	2.896.210.085	4.762.722.471
Tại ngày 31/12/2011	11.305.575.078	21.062.458.361	43.946.837.852	76.314.871.291
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2011	17.254.140.187	17.005.608.177	13.281.350.659	47.541.099.023
Tại ngày 31/12/2010	18.523.673.445	13.446.637.945	14.076.894.950	46.047.206.340

10 | TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Quyền sử dụng đất	Đơn vị: VND Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	19.390.811.482	32.944.967.029	52.335.778.511
Tăng trong năm	9.182.500.000	7.354.899.900	16.537.399.900
Giảm trong năm	-	12.352.852.989	12.352.852.989
Tại ngày 31/12/2011	28.573.311.482	27.947.013.940	56.520.325.422
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	9.007.767.360	-	9.007.767.360
Trích khấu hao	6.250.132.790	-	6.250.132.790
Tại ngày 31/12/2011	15.257.900.150	-	15.257.900.150
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	13.315.411.332	27.947.013.940	41.262.425.272
Tại ngày 31/12/2010	10.383.044.122	32.944.967.029	43.328.011.151

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN/HN

11 | CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị: VND

	31/12/2011	31/12/2010
Dự án tòa nhà văn phòng tại số 20 Phạm Ngọc Thạch (TP. Hồ Chí Minh)	-	15.585.745.534
Dự án tòa nhà văn phòng PVI tại Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	445.753.639.776	214.891.885.776
Khác	5.647.964.461	-
	451.401.604.237	230.477.631.310

12 | ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đơn vị: VND

	31/12/2011	31/12/2010
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	162.433.335.115	141.919.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt	102.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng lượng mới	46.912.303.800	51.057.034.200
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sa Pa	45.894.557.965	46.139.960.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo hiểm Dầu khí	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí	24.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	25.000.000.000	-
Giá trị gốc của khoản đầu tư vào công ty liên kết	416.240.196.880	249.116.194.200
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	4.767.360.791	-
	421.007.557.671	249.116.194.200

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (theo vốn thực góp %)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	TP. Hà Nội, Việt Nam	44,9	44,9	Kinh doanh bất động sản và đầu tư tài chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Việt	Tp. Hà Nội, Việt Nam	34,0	34,0	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng Lượng Mới	TP. Hà Nội, Việt Nam	74,4	74,4	Phát triển truyền thông, tiếp thị đa phương tiện, tổ chức sự kiện
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sa Pa	TP. Lào Cai, Việt Nam	41,5	41,5	Dịch vụ du lịch, vận chuyển, khách sạn, ăn uống
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo hiểm Dầu khí	TP. Hà Nội, Việt Nam	30,9	30,9	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cứu hộ xe ô tô
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí	TP. Hà Nội, Việt Nam	24,0	24,0	Dịch vụ quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	Quảng Ngãi, Việt Nam	50,0	50,0	Điều hành hoạt động của Bệnh viện Dầu khí Dung Quất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại và truyền thông Năng lượng mới (trước đây là Công ty Cổ phần truyền thông Dầu khí Việt Nam) với tỷ lệ sở hữu là 74,4%. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị Công ty quyết định không nắm giữ khoản đầu tư này trong dài hạn. Vì vậy, Công ty đã phân loại khoản đầu tư này là “Đầu tư vào công ty liên kết” thay vì “Đầu tư vào công ty con”.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

Đơn vị: VND

31/12/2011

Tổng tài sản	1.337.899.128.867
Tổng công nợ	314.050.527.249
Tài sản thuần	1.023.848.601.618
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	421.007.557.671

Đơn vị: VND

Năm 2011

Doanh thu	303.433.394.095
Lợi nhuận thuần	24.228.601.619
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	4.767.360.791

13 | CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đơn vị: VND

31/12/2011

31/12/2010

Đầu tư cổ phiếu (*)	453.509.599.026	429.532.866.466
Trái phiếu (**)	458.000.000.000	433.000.000.000
Ủy thác đầu tư (***)	233.582.300.000	233.582.300.000
Tổng đầu tư dài hạn khác	1.145.091.899.026	1.096.115.166.466
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(122.453.872.282)	(35.456.353.002)
	1.022.638.026.744	1.060.658.813.464

(*) Là góp vốn cổ phần vào các công ty với thời hạn nắm giữ trên 1 năm.

(**) Trái phiếu bao gồm Trái phiếu Chính phủ và Trái phiếu Doanh nghiệp, có thời gian đáo hạn từ trên 1 năm đến 7 năm, lãi suất danh nghĩa từ 10,4% đến 17,9%.

(***) Là số dư ủy thác cho vay có chỉ định mục đích sử dụng qua các ngân hàng thương mại. Theo Hợp đồng ủy thác cho vay, Công ty được hưởng lãi suất thả nổi và chịu rủi ro sử dụng vốn ủy thác. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, khoản cho vay này đã quá hạn trả một phần gốc và lãi. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng Công ty đã trích lập dự phòng cho số nợ quá hạn trên cơ sở thận trọng nhất.

14 | CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị: VND

Năm 2011

Năm 2010

Tại ngày 01/01	164.081.910.726	191.337.824.029
Tăng trong năm	3.555.595.804	3.080.387.421
Phân bổ vào chi phí trong năm	(32.292.071.044)	(30.336.300.724)
Tại ngày 31/12	135.345.435.486	164.081.910.726

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN/HN

15 | PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

Đơn vị: VND

	31/12/2011	31/12/2010
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	146.959.350.050	134.716.031.674
Phải trả hoàn phí bảo hiểm	19.086.945.135	44.482.745.737
Phải trả về hoạt động nhận tái bảo hiểm	40.791.367.596	42.491.344.602
Phải trả về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	614.506.058.454	390.451.777.974
Các khoản phải trả khác cho người bán	124.194.154.870	52.471.309.617
	945.537.876.105	664.613.209.604

16 | THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị: VND

	31/12/2010	Phát sinh trong năm		31/12/2011
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.503.611.337	299.299.125.351	300.353.305.172	2.449.431.516
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.362.512.053	120.370.549.130	97.097.956.989	33.635.104.194
Tiền thuê đất và thuế nhà đất	-	341.443.000	341.443.000	-
Thuế môn bài	-	44.500.000	44.500.000	-
Thuế, phí phải nộp khác	5.307.832.819	26.586.074.535	23.971.604.521	7.922.302.833
	19.173.956.209	446.641.692.016	421.808.809.682	44.006.838.543

17 | CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị: VND

	31/12/2011	31/12/2010
Ngân hàng TMCP Đại Dương	-	840.000.000.000
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	142.415.165.558	43.114.680.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	50.021.250.002	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	45.227.388.888	-
Phải trả khác	23.021.918.912	36.809.444.315
	260.685.723.360	919.924.124.315

18 | DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị: VND

	31/12/2011	31/12/2010
Dự phòng phí	871.955.163.527	856.099.323.880
Dự phòng bồi thường	437.815.784.062	263.105.850.886
Dự phòng dao động lớn	73.799.912.459	68.031.708.614
	1.383.570.860.048	1.187.236.883.380

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN/HN

19 | MỘT SỐ KHOẢN MỤC CHỦ YẾU CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Đơn vị: VND Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Tại ngày 01/01/2011	1.597.103.640.000	1.622.092.724.471	(14.854.448.300)	196.074.351.979
Vốn góp (a)	532.367.880.000	1.384.156.488.000	-	-
Mua cổ phiếu quỹ trong năm (b)	-	-	(109.467.979.050)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	347.627.235.120
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (c)	-	-	-	(14.767.105.623)
Điều chỉnh giảm trích quỹ đầu tư phát triển năm 2010	-	-	-	352.368.634
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (d)	-	-	-	(38.575.793.305)
Chia cổ tức cho cổ đông (d)	-	-	-	(236.662.566.000)
Chi trả từ các quỹ	-	(31.477.434.273)	-	-
Tại ngày 31/12/2011	2.129.471.520.000	2.974.771.778.198	(124.322.427.350)	254.048.490.805

- (a) Tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2011 số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2011. Theo đó, Công ty đã phát hành cổ phiếu cho HDI Gerling Industrie Versicherung AG, số tiền tương ứng với 53.236.788 cổ phần (tương đương 25% vốn điều lệ sau khi tăng) là 532.367.880.000 VND đã được ghi tăng vốn điều lệ và 1.384.156.488.000 VND là chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá của 53.236.788 cổ phần.
- (b) Trong năm, Công ty đã thực hiện mua lại 6.341.500 cổ phần để làm cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.
- (c) Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp với tỷ lệ là 5% theo quy định tại Điều 30, Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 03 năm 2007. Công ty mẹ trích Quỹ dự trữ bắt buộc đến ngày 31 tháng 7 năm 2011 (thời điểm tái cấu trúc) và đã chuyển quỹ này cho Tổng Công ty Bảo hiểm PVI. Tại các công ty con là công ty bảo hiểm, quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại nghị định nêu trên.
- (d) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và chia cổ tức cho cổ đông được thực hiện không quá số tối đa được trích theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 04 năm 2011 về phân phối lợi nhuận năm 2010 và tạm ứng 7% cổ tức năm 2011. Việc phân phối lợi nhuận năm 2011 thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông và sẽ được quyết định trong Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012.

Chi tiết vốn điều lệ:

	Vốn góp tại ngày 31/12/2011		Vốn góp tại ngày 31/12/2010	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	831.497.400.000	39,05%	831.497.400.000	52,06%
HDI-Gerling Industrie Versicherung AG	532.367.880.000	25,00%	-	0,00%
"Công ty Funderburk Lighthouse Limited (Thuộc tập đoàn Talanx)"	220.925.000.000	10,37%	202.075.000.000	12,65%
Cổ đông khác	544.681.240.000	25,58%	563.531.240.000	35,29%
	2.129.471.520.000	100%	1.597.103.640.000	100%

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN/HN

19 | MỘT SỐ KHOẢN MỤC CHỦ YẾU CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Cổ phiếu:

	31/12/2011	31/12/2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	212.947.152	159.710.364
Cổ phiếu phổ thông	212.947.152	159.710.364
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	212.947.152	159.710.364
Cổ phiếu phổ thông	212.947.152	159.710.364
Số lượng cổ phiếu được mua lại	7.131.100	789.600
Cổ phiếu phổ thông	7.131.100	789.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	205.816.052	158.920.764
Cổ phiếu phổ thông	205.816.052	158.920.764

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng.

20 | DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Đơn vị: VND Năm 2010
Thu phí bảo hiểm gốc	4.241.055.565.014	3.512.186.405.060
Thu phí nhận tái bảo hiểm	458.471.062.388	316.391.210.913
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	187.836.205.283	152.319.572.289
Thu khác từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	11.187.855.661	4.357.216.547
	4.898.550.688.346	3.985.254.404.809

21 | CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2011	Đơn vị: VND Năm 2010
Hoàn phí bảo hiểm	128.767.980.951	80.237.240.794
Các khoản giảm trừ khác	2.783.802.027	2.087.677.381
Tăng dự phòng phí	15.855.839.647	233.298.490.748
	147.407.622.625	315.623.408.923

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN/HN

22 | GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị: VND	
	Năm 2011	Năm 2010
Phí nhượng tái bảo hiểm	2.477.918.984.337	2.011.362.687.257
Chi bồi thường bảo hiểm gốc	934.811.139.762	1.150.555.967.327
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	118.036.642.103	110.208.484.758
Các khoản giảm trừ:	(342.315.241.185)	(653.730.168.309)
<i>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</i>	<i>(335.807.220.583)</i>	<i>(651.339.332.581)</i>
<i>Thu đòi người thứ ba bồi hoàn</i>	<i>(39.160.600)</i>	<i>(1.524.064.500)</i>
<i>Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%</i>	<i>(6.468.860.002)</i>	<i>(866.771.228)</i>
Chi bồi thường từ quỹ dự phòng dao động lớn	(57.017.903.718)	(49.115.488.087)
Tăng dự phòng bồi thường	174.709.933.176	61.206.333.331
Số trích dự phòng dao động lớn trong năm	62.786.107.563	52.109.330.638
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	218.012.645.355	159.904.414.071
<i>Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc</i>	<i>63.124.414.340</i>	<i>59.780.723.655</i>
<i>Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm</i>	<i>113.646.864.835</i>	<i>57.631.684.727</i>
<i>Chi khác hoạt động nhượng tái bảo hiểm</i>	<i>41.241.366.180</i>	<i>42.492.005.689</i>
	3.586.942.307.393	2.842.501.560.986

23 | DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Đơn vị: VND	
	Năm 2011	Năm 2010
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	363.039.929.189	210.995.874.068
Lãi đầu tư trái phiếu	62.445.380.516	26.483.292.588
Lãi kinh doanh cổ phiếu	5.505.863.959	31.042.308.023
Lãi kinh doanh ủy thác đầu tư	25.777.069.443	86.888.261.379
Cổ tức, lợi nhuận được chia	20.588.452.937	20.032.134.434
Lãi chênh lệch tỷ giá	29.644.907.691	12.976.871.776
Doanh thu từ hoạt động mua và cam kết bán lại chứng khoán	55.739.065.227	51.478.771.195
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	190.374.703.314	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	96.627.584.833	167.372.741.429
	849.742.957.109	607.270.254.892

24 | CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị: VND	
	Năm 2011	Năm 2010
Chi phí hoạt động kinh doanh cổ phiếu	1.928.890.465	24.324.942.876
Lỗ chênh lệch tỷ giá	53.462.700.692	43.291.301.459
Chi phí trích lập dự phòng giảm giá đầu tư	180.703.755.753	40.431.088.625
Giá vốn bất động sản đầu tư	176.800.000.000	-
Chi phí tài chính khác	167.283.371.061	201.328.482.257
	580.178.717.971	309.375.815.217

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN/HN

25 | CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Đơn vị: VND
Năm 2011
Năm 2010

Lợi nhuận trước thuế	467.997.784.250	336.026.003.512
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(36.409.604.844)	(21.837.068.443)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(20.588.452.937)	(20.032.134.434)
Lãi công trái giáo dục	-	(1.804.934.009)
Lợi nhuận thuần từ công ty liên kết (*)	(4.767.360.791)	
Hoàn nhập dự phòng đầu tư vào công ty liên kết (*)	(11.053.791.116)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	49.894.017.116	900.541.712
Thù lao Hội đồng Quản trị	167.000.000	252.000.000
Khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng	250.755.709	117.874.512
Chi phí giao dịch vượt quá 10% mức chi phí khống chế	48.874.129.079	-
Chi phí không được khấu trừ khác	602.132.328	530.667.200
Thu nhập chịu thuế	481.482.196.522	315.089.476.781
Thuế suất (**)	25%	12,5%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	120.370.549.130	39.386.184.598

(*) Đây là các khoản lãi/lỗ trong Công ty liên kết phát sinh khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các nghiệp vụ này làm phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại, tuy nhiên số phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không trọng yếu nên Công ty không ghi nhận.

(**) Như được trình bày tại Thuyết minh số 4, năm 2010 là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Từ năm 2011, Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thông thường là 25%.

26 | LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Đơn vị	Năm 2011	Năm 2010
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND	347.627.235.120	296.639.818.914
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	Cổ phiếu	168.226.651	135.497.866
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	2.066	2.189

27 | CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có một số cam kết trọng yếu như sau:

Hợp đồng mua văn phòng tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội với tổng trị giá tạm tính tương đương với 54.954.000 USD. Giá trị đã phát sinh liên quan đến hợp đồng này đạt 40% giá trị hợp đồng.

Hợp đồng cam kết mua các căn hộ tại khu du lịch Olalani tại đường Sơn Trà- Điện Ngọc, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng với số tiền tương đương 5.058.460 USD. Giá trị đã phát sinh liên quan đến hợp đồng này đạt 60% giá trị hợp đồng.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN/HN

28 | CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

Đơn vị: VND

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	686.565.126.049	561.484.924.260
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.044.261.288.125	770.283.992.204
Đầu tư ngắn hạn	4.182.683.563.297	3.172.614.166.694
Đầu tư dài hạn	1.024.231.762.239	1.072.088.194.160
Tài sản tài chính khác	45.286.817.460	21.056.918.596
Tổng cộng	6.983.028.557.170	5.597.528.195.914
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	1.206.236.599.465	1.584.537.333.919
Dự phòng bồi thường và chi phí phải trả	440.474.050.057	331.171.922.750
Công nợ tài chính khác	31.306.632	-
Tổng cộng	1.646.741.956.154	1.915.709.256.669

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN/HN

28 | CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản (Tương đương VND)		Công nợ (Tương đương VND)	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
Đô la Mỹ (USD)	663.776.952.864	328.984.432.792	681.904.807.877	339.633.125.519
Euro (EUR)	9.490.110.642	3.750.915.934	1.841.977.998	11.931.102.091
Bảng Anh (GBP)	992.249.512	1.043.223.447	793.184.608	207.166.470
Yên Nhật (JPY)	102.591.729	30.308.713	378.725.612	-
Đô la Singapore (SGD)	-	11.317.006	-	-
Ringít Malaysia (MYR)	7.635.580.729	-	4.728.744.382	-
Won Hàn Quốc (KRW)	12.246.372.662	-	320.979.282	-
Rúp Nga (RUP)	-	-	3.464.093.916	-
Đô la Úc (AUD)	887.800	-	84.944.243	-
Nhân dân tệ (CNY)	26.114.626	-	12.223.429	-

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các khoản ủy thác đầu tư và hợp tác đầu tư. Rủi ro tín dụng đã được Ban Tổng Giám đốc đánh giá một cách cẩn trọng như trình bày tại Thuyết minh số 6 và số 13.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Đơn vị: VND

	31/12/2011	31/12/2010
Dưới 1 năm		
Phải trả người bán và phải trả khác	1.206.236.599.465	1.584.537.333.919
Dự phòng bồi thường và chi phí phải trả	440.474.050.057	331.171.922.750
Công nợ tài chính khác	31.306.632	-

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Đơn vị: VND

	31/12/2011	31/12/2010
Dưới 1 năm		
Tiền và các khoản tương đương tiền	686.565.126.049	561.484.924.260
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.044.261.288.125	770.283.992.204
Đầu tư ngắn hạn	4.182.683.563.297	3.172.614.166.694
Đầu tư dài hạn	93.600.000.000	850.139.848.576
Tài sản tài chính khác	42.495.137.020	18.144.967.605
Từ 1 - 5 năm		
Đầu tư dài hạn	562.943.304.137	221.948.345.586
Tài sản tài chính khác	2.791.680.440	2.911.950.991
Trên 5 năm		
Đầu tư dài hạn	367.688.458.102	-
Tổng cộng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	686.565.126.049	561.484.924.260
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.044.261.288.125	770.283.992.204
Đầu tư ngắn hạn	4.182.683.563.297	3.172.614.166.694
Đầu tư dài hạn	1.024.231.762.239	1.072.088.194.162
Tài sản tài chính khác	45.286.817.460	21.056.918.596

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN/HN

29 | SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan trong năm như sau:

	Năm 2011	Đơn vị: VND Năm 2010
Chi trả cổ tức		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	43.114.680.000	92.388.600.000
Nhận ủy thác quản lý vốn		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
- Nhận ủy thác quản lý vốn	840.000.000.000	1.615.000.000.000
- Trả gốc ủy thác quản lý vốn	840.000.000.000	1.615.000.000.000
- Trả lãi ủy thác quản lý vốn	109.713.333.335	187.905.146.110
Chi phí quản lý		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.247.460.582	847.386.828
Ủy thác đầu tư		
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2		
- Ủy thác đầu tư	150.000.000.000	50.000.000.000
- Thu hồi gốc ủy thác đầu tư	125.000.000.000	-
Thu nhập từ lãi ủy thác đầu tư		
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	23.482.624.998	20.086.335.754
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	21.250.002	-
Chuyển nhượng bất động sản đầu tư		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt		-
- Doanh thu bất động sản đầu tư	190.374.703.314	
- Giá vốn bất động sản đầu tư	176.800.000.000	
Doanh thu từ việc cho thuê văn phòng		
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	1.133.914.350	734.797.350
Nhận chuyển nhượng cổ phần		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	24.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	-	26.000.000.000
Chuyển nhượng cổ phần		
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	-	66.000.000.000
Chi phí dịch vụ		
Công ty Thương mại và Truyền thông Năng Lượng Mới	4.415.120.989	3.128.586.626
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	-	2.231.589.505

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2011	Đơn vị: VND 31/12/2010
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	162.433.335.115	141.919.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Nhà Việt	102.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Năng Lượng Mới	46.912.303.800	51.057.034.200
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sa Pa	45.894.557.965	46.139.960.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo hiểm Dầu khí	10.000.000.000	10.000.000.000

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Đơn vị: VND

	31/12/2011	31/12/2010
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết (tiếp theo)		
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí	24.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	25.000.000.000	-
Số dư gốc ủy thác đầu tư		
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	75.000.000.000	50.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	50.021.250.002	-
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	24.305.531.826	3.500.337.500
Các khoản phải trả		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	142.415.165.558	43.114.680.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Dầu khí Việt Nam	45.227.388.888	-

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty và các công ty con được hưởng trong năm là 7.429.154.334 đồng (năm 2010 là 5.717.846.486 đồng).

30 | BỘ PHẬN KINH DOANH

Công ty mới thực hiện tái cấu trúc, hoạt động chủ yếu vẫn là kinh doanh bảo hiểm và đầu tư từ nguồn vốn của hoạt động bảo hiểm, hoạt động đầu tư này là một khâu trong chu kỳ kinh doanh bảo hiểm. Các khoản đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh khác là không đáng kể. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng việc không lập báo cáo theo bộ phận là phù hợp với hoạt động kinh doanh hiện nay của Công ty

31 | SỐ LIỆU SO SÁNH

Đây là kỳ kế toán đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất nên không có số liệu so sánh. Tuy nhiên, Công ty vẫn trình bày số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (tên gọi trước của Công ty) cho mục đích tham khảo.

Công ty áp dụng Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2001 về chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm trong việc lập báo cáo tài chính năm 2010. Từ ngày 01 tháng 08 năm 2011, Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty mẹ, Công ty con. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc áp dụng Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Do thay đổi nêu trên, số liệu tham khảo đã được phân loại và trình bày lại một cách tương đối theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC.



Bùi Văn Thuận

Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 02 năm 2012

Phùng Tuấn Kiên

Kế toán trưởng

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo



CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Mã chứng khoán: PVI, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội HNX

Trụ sở chính: Số 154 Nguyễn Thái Học - Ba Đình - Hà Nội

ĐT: (84 - 4) 37 34 22 99 • Fax: (84 - 4) 37 34 29 29

Email: contact@pvi.com.vn • Website: www.pvi.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Trụ sở chính: Số 154 Nguyễn Thái Học - Ba Đình - Hà Nội

ĐT: (84 - 4) 37 34 22 99 • Fax: (84 - 4) 37 34 29 29

Email: contact@pvi.com.vn • Website: www.pvi.com.vn